

**ĐOÀN TNCS HỒ CHÍ MINH TỈNH CAO BẰNG**

**TÀI LIỆU SINH HOẠT CHI ĐOÀN THÁNG 10/2023**

**CHỦ ĐỀ: “THANH NIÊN SỐNG ĐẸP,**

**SỨC TRẺ LÀM ĐẸP CHO ĐỜI”**

**\*\*\***

**A. Học tập và làm theo lời bác**

**Tư tưởng Hồ Chí Minh về thanh niên và công tác thanh niên**

Từ năm 1925, trong tác phẩm Đường Kách mệnh, Hồ Chí Minh đặt vấn đề phải xây dựng một tổ chức thanh niên cộng sản ở Việt Nam. Sau một thời gian do Người trực tiếp chuẩn bị và đề nghị với Trung ương Đảng, ngày 26-3-1931, Thanh niên Cộng sản Đoàn ra đời. Đó là thời điểm mang nhiều ý nghĩa đặc biệt trong phong trào thanh niên yêu nước theo xu hướng tiến bộ ở nước ta.

Đối với Hồ Chí Minh, tổ chức, đoàn kết, tập hợp thanh niên là vấn đề chiến lược của cách mạng Việt Nam. Muốn phát huy sức mạnh của thanh niên thì phải thông qua tổ chức, không có tổ chức thì Đảng không nắm được thanh niên.

 Trong thư gửi thanh niên Việt Nam năm 1925, Hồ Chí Minh vạch rõ ở Đông Dương có đủ cơ sở vật chất (hầm mỏ, hải cảng, đồng ruộng…) chỉ “thiếu tổ chức và người tổ chức”. Đây là một nhận định hết sức sáng suốt. Vì lẽ đó, Hồ Chí Minh coi công tác vận động thanh niên là nhiệm vụ trọng tâm của mình, và sau khi dự Đại hội Quốc tế cộng sản lần thứ V và Đại hội Quốc tế thanh niên cộng sản lần thứ IV (1924), Người dốc sức tiến hành công tác tổ chức, lập ra Việt Nam Thanh niên cách mệnh Đồng chí hội.

Chính Hồ Chí Minh là người trực tiếp tuyển chọn, bồi dưỡng đồng chí hội. Chính Hồ Chí Minh là người trực tiếp tuyển chọn, bồi dưỡng những hạt giống đầu tiên của Đoàn Thanh niên Cộng sản ở nước ta.

Năm 1944, Đảng và Bác Hồ thành lập tổ chức Đội Thiếu niên tiền phong.

Sau ngày Cách mạng tháng Tám thành công, Hồ Chí Minh chỉ thị trực tiếp cho các xứ ủy, tỉnh ủy, thành ủy tổ chức các Đại hội Đoàn Thanh niên Cứu quốc và thống nhất hệ thống Đoàn từ cơ sở lên đến Trung ương. Tháng 6-1946, Người chủ trương lập Mặt trận thanh niên rộng rãi (do Đoàn Thanh niên Cứu quốc làm nòng cốt), lấy tên là Liên đoàn Thanh niên Việt Nam và trực tiếp dự Đại hội lần thứ nhất của Liên đoàn tại chiến khu Việt Bắc.

Hồ Chí Minh là người sáng lập các tổ chức thanh niên Việt Nam trực tiếp cho ý kiến cụ thể về dự thảo Điều lệ Đoàn (trình Đại hội Đoàn toàn quốc lần thứ III năm 1961). Người khẳng định vai trò, vị trí của Đoàn trong hệ thống chính trị của đất nước; khẳng định những chức năng cơ bản của Đoàn Thanh niên Cộng sản.

Việc lập Mặt trận thanh niên, “đoàn kết và tổ chức thanh niên một cách rộng rãi và vững chắc” do Đảng lãnh đạo và Đoàn Thanh niên Cộng sản làm nòng cốt, tạo ra những loại hình tập hợp thích hợp với yêu cầu của nhiệm vụ cách mạng, với từng trình độ, đặc điểm và tâm lý thanh niên là một sáng tạo lớn, một tư tưởng lớn của Hồ Chí Minh về thanh niên và công tác thanh niên.

Xin nêu mấy điểm chính trong tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đoàn Thanh niên Cộng sản, trong đó có những điểm xin trích nguyên văn lời của Người.

Về chức năng, nhiệm vụ của Đoàn, Hồ Chí Minh chỉ rõ Đoàn Thanh niên là tổ chức thanh niên cộng sản, là đội dự bị tin cậy của Đảng, là người đại diện của thanh niên, là hạt nhân đoàn kết, giáo dục và phát huy vai trò xung kích của thanh niên trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; là người phụ trách, dìu dắt thiếu niên, nhi đồng. Tất cả những điều đó được thể hiện ở huy hiệu Đoàn.

Hồ Chí Minh kết luận: ***“Huy hiệu của thanh niên ta là: “Tay cầm cờ đỏ sao vàng tiến lên”***. Ý nghĩa của nó là thanh niên phải xung phong làm gương mẫu trong công tác, trong học hỏi, trong tiến bộ, trong đạo đức cách mạng. Thanh niên phải thành một lực lượng to lớn và vững chắc trong công cuộc kháng chiến và kiến quốc, đồng thời phải vui vẻ và hoạt bát.

Trong mối quan hệ giữa Đoàn với Đảng và Nhà nước, Hồ Chí Minh chỉ rõ rằng về đường lối chính trị thì thanh niên theo Đảng chỉ huy, nhưng việc làm thì thanh niên độc lập; trong mọi công việc, đảng viên và đoàn viên thanh niên phải gương mẫu để lôi cuốn nhân dân cùng tiến bộ; mọi công việc đều vì lợi ích của nhân dân mà làm. Khắp nơi có đoàn thể nhân dân, đó là những tổ chức của dân, “phấn đấu cho dân, bênh vực quyền của dân, liên lạc mật thiết nhân dân với Chính phủ”.

Về mối quan hệ giữa Đoàn với thanh niên, Hồ Chí Minh nhấn mạnh: “Đoàn phải liên hệ rộng rãi và chặt chẽ với các tầng lớp thanh niên. Phải quan tâm đến đời sống, công tác và học tập của thanh niên, phải tránh thành kiến, hẹp hòi, cô độc. Phải thật thà, đoàn kết với anh chị em thanh niên trong Hội liên hiệp Thanh niên Việt Nam.

Hồ Chí Minh đặc biệt coi trọng củng cố, phát triển Đoàn và tổ chức phong trào thanh niên. Người chỉ rõ:

*“Phải củng cố tổ chức của Đoàn. Phải đoàn kết nội bộ chặt chẽ, và phải đoàn kết rộng rãi với các tầng lớp thanh niên”.*

*“Cần phát triển Đoàn hơn nữa, nhưng phải chọn lọc cẩn thận, trọng chất lượng hơn số lượng”.*

*“Muốn củng cố và phát triển Đoàn thì tất cả đoàn viên phải làm gương mẫu: Phải giữ vững đạo đức cách mạng; phải khiêm tốn, cần cù, hăng hái, dũng cảm.*

*Phải tránh tư tưởng kiêu ngạo, công thuần, tự tư tự lợi. Phải xung phong trong mọi công tác; xung phong là đi trước, làm trước để lôi cuốn quần chúng chứ không phải là xa rời quần chúng. Phải cố gắng học tập chính trị, văn hóa, nghề nghiệp để tiến bộ mãi, để sẵn sàng trở thành cán bộ tốt, đảng viên tốt. Phải rèn luyện thân thể cho khỏe mạnh”.*

Về phương pháp công tác, phương pháp vận động thanh niên của Đoàn, Hồ Chí Minh nhấn mạnh:

*“Thi đua là một cách rất tốt, rất thiết thực để làm cho mọi người tiến bộ. Thi đua giúp cho đoàn kết chặt chẽ thêm. Và đoàn kết chặt chẽ để thi đua mãi”. “Thi đua phải lâu dài và rộng khắp”.*

*“Phong trào cần phải liên tục và có nội dung thiết thực. Không nên chỉ có hình thức, càng không nên “đầu voi đuôi chuột”.*

*“Việc gì cũng cần phải thiết thực: nói được, làm được. Việc gì cũng phải từ chỗ nhỏ dần dần đến to, từ thấp dần dần đến cao. Một chương trình nhỏ mà thực hiện được hẳn hoi là một trăm chương trình to tát mà làm không được”.*

Đối với cán bộ Đoàn, Hồ Chí Minh đòi hỏi: *“Cán bộ lãnh đạo cần phải chống bệnh quan liêu, chống cách lãnh đạo chung chung. Cần phải đi sâu đi sát điều tra nghiên cứu. Cần phải khuyến khích, thu góp, bổ sung và phổ biến rộng rãi những sáng kiến hay, những kinh nghiệm tốt của quần chúng”. “Cần phải đi sâu vào đời sống, hiểu rõ tâm lý của các lớp thanh niên và giúp đỡ họ giải quyết các vấn đề một cách thiết thực”.*

*Đoàn thanh niên với nhiệm vụ giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh cho thế hệ trẻ*

Căn cứ vào nhiều kết luận của các đại hội Đảng và một số thành tựu nghiên cứu về tư tưởng Hồ Chí Minh, bước đầu có thể nêu lên một số nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh. Đó là:

Tư tưởng giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, giải phóng con người;

Tư tưởng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, “không có gì quý hơn độc lập tự do”.

Tư tưởng về phương pháp cách mạng, nghệ thuật chỉ đạo chiến lược và sách lược;

Tư tưởng về xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước kiểu mới, xây dựng quân đội nhân dân; về đại đoàn kết và về dân vận (trong đó có vận động thanh niên).

Tư tưởng về đạo đức cách mạng... Một mặt, cần nghiên cứu để hiểu sâu hơn, có hệ thống hơn những di sản quý báu mà Chủ tịch Hồ Chí Minh để lại. Mặt khác, rất quan trọng là làm sao đưa được tư tưởng Hồ Chí Minh, phong cách Hồ Chí Minh, đạo đức Hồ Chí Minh đến từng cán bộ đảng viên, đoàn viên và nhân dân để tạo ra động lực tinh thần và soi sáng cho tư duy, hành động của mỗi người trong thời kỳ mới.

Xin vắn tắt nêu một số suy nghĩ về Đoàn Thanh niên với việc giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh cho thanh niên trong thời gian tới.

***Một là,*** thông qua sinh hoạt Đoàn, Hội thanh niên và các phương tiện thông tin đại chúng, Đoàn cần phổ biến, truyền đạt tư tưởng Hồ Chí Minh, đặc biệt là những lời chỉ bảo của Bác Hồ đối với thanh niên một cách thường xuyên, liên tục.

***Hai là,*** các cấp bộ Đoàn, Hội cần tổ chức cho cán bộ học tập, nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh về thanh niên và công tác thanh niên; quán triệt sâu sắc và vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh vào thực tiễn của công tác Đoàn và phong trào thanh niên trong thời kỳ đổi mới.Có thể nói, mọi đối tượng thanh niên (công nhân, nông dân, bộ đội, cán bộ KHKT, học sinh, sinh viên…) đều tìm thấy trong những lời chỉ dẫn ân cần của Bác Hồ các giá trị định hướng cho suy nghĩ và hành động của mình trong tình hình hiện nay.

***Ba là,*** hiện nay đang phát triển mạnh phong trào Thanh niên lập nghiệp, Tuổi trẻ giữ nước, thanh niên tình nguyện, 4 đồng hành và 5 xung kích, các chương trình hành động của Đòan... Những điển hình tiên tiến cá nhân và tập thể xuất hiện ngày càng nhiều.

Đây chính là những tấm gương Người tốt việc tốt mà sinh thời Hồ Chí Minh luôn cổ vũ và khen ngợi. Các tỉnh, thành Đoàn cần mở rộng các hình thức cổ vũ phong trào người tốt, việc tốt, tuyên truyền, giáo dục thanh niên rèn luyện và cống hiến qua việc giới thiệu thường xuyên những điển hình tiên tiến.

***Bốn là,*** cần hình thành bộ môn Tư tưởng, đạo đức Hồ Chí Minh về thanh niên và công tác thanh niên trong hệ thống trường Đoàn từ Trung ương đến địa phương. Muốn làm việc này phải chuẩn bị đồng thời cả hai mặt: đào tạo đội ngũ cán bộ và chuẩn bị giáo trình.

***Cuối cùng,*** chúng tôi cho rằng tư tưởng Hồ Chí Minh về thanh niên và công tác thanh niên đã được Đảng ta quán triệt trong nhiều nghị quyết của Bộ Chính trị và Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thanh niên, trong nhiều văn bản của Nhà nước ta đã ban hành. Vì vậy, quá trình nghiên cứu, học tập và thực hiện tư tưởng Hồ Chí Minh cần kết hợp chặt chẽ với việc thực hiện có kết quả các chủ trương của Đảng về đổi mới công tác thanh niên.

Các ngành, các cấp xây dựng được chương trình, kế hoạch hành động để thực hiện nghị quyết của Đảng cũng là quán triệt và thực hiện những tư tưởng, chỉ dẫn của Bác đối với sự nghiệp đào tạo, bồi dưỡng thế hệ trẻ.

Đoàn Thanh niên phải tích cực, chủ động hơn trong việc phối hợp với các ngành, đoàn thể nhằm giáo dục tư tưởng, tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh cho thế trẻ, đề xuất với Đảng và Nhà nước ban hành các thể chế, chính sách cụ thể theo tư tưởng Hồ Chí Minh (như đổi mới sự nghiệp giáo dục và đào tạo, chính sách giải quyết việc làm và các vấn đề xã hội của thanh niên, bồi dưỡng tài năng trẻ ... nhằm tạo ra những điều kiện và môi trường thuận lợi cho quá trình giáo dục và thực hiện tư tưởng Hồ Chí Minh trong thanh thiếu niên./.

**Hồ Đức Việt
*Nguyên Bí thư thứ nhất BCH T.Ư Đoàn TNCS Hồ Chí Minh***

***Ban Tổ chức – Kiểm tra tổng hợp.***

**B. Theo dòng lịch sử**

**I. Giải phóng Cao Bằng – Chiến thắng của ý Đảng, lòng dân**

***(3/10/1950 – 3/10/2023)***

**Từ năm 1947, nhằm đẩy mạnh chiến tranh xâm lược, thực dân Pháp tăng cường hoạt động quân sự, lập vành đai phong toả biên giới Việt - Trung, bao vây căn cứ địa Việt Bắc, cho quân đánh chiếm, càn quét, mở rộng phạm vi chiếm đóng xuống vùng trung du và vùng đồng bằng Bắc Bộ. Theo đó, thực dân Pháp huy động lực lượng mạnh hòng án ngữ tuyến đường số 4, tuyến đường huyết mạch để vận chuyển hàng hóa, các phương tiện chiến tranh, cung cấp cho lực lượng quân sự của chúng trên chiến trường.**

Nhằm đưa cuộc kháng chiến tiến lên bước mới, tháng 6/1950, Ban Thường vụ Trung ương Đảng chủ trương mở Chiến dịch Biên giới. Yêu cầu của chiến dịch là tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch; giải phóng vùng biên giới Cao Bằng; thu hẹp phạm vi chiếm đóng của địch; mở rộng và củng cố căn cứ địa Việt Bắc, tiến tới giành quyền chủ động chiến lược trên chiến trường chính. Tháng 7/1950, theo quyết nghị của Ban Thường vụ Trung ương, Bộ Chỉ huy và Đảng ủy Mặt trận Biên giới được thành lập do đồng chí Võ Nguyên Giáp, Ủy viên Thường vụ Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng trực tiếp làm Chỉ huy trưởng kiêm Bí thư Đảng ủy mặt trận; đồng chí Trần Đăng Ninh, Ủy viên Trung ương Đảng làm Chủ nhiệm Tổng cục cung cấp (phụ trách công tác hậu cần của chiến dịch).

Cùng với các tỉnh trong cả nước, Đảng bộ và nhân dân Cao Bằng đã nhận thức rõ vị trí và trách nhiệm của mình trong chiến dịch này. Ban huy động dân công cấp tỉnh, huyện, xã được thành lập gồm trên một nửa số cán bộ. Với khẩu hiệu “Tất cả cho chiến dịch toàn thắng”, Đảng bộ đã lãnh đạo huy động 78.224 người, trong đó hai phần ba là phụ nữ với 1.340.748 ngày công phục vụ cho chiến dịch. Đông đảo nhân dân thuộc các dân tộc ở vùng xa xôi hẻo lánh như Bảo Lạc, Nguyên Bình cách xa mặt trận hàng chục ngày đường cũng vui vẻ xuống núi hăng hái đi dân công phục vụ tiền tuyến. Nếu tính từ đầu năm 1950, Cao Bằng huy động tới 5,7 triệu ngày công phục vụ vào sự nghiệp kháng chiến, bình quân mỗi lao động đã đóng góp trên 100 ngày công; chưa kể trên 20.000 nam nữ thanh niên các dân tộc tham gia bộ đội trực tiếp chiến đấu ngoài chiến trường. Ngoài sức người, Cao Bằng còn huy động được 2.346 tấn gạo, trên 120 tấn thực phẩm phục vụ chiến dịch. Đây là một cuộc động viên lớn nhất từ khi bước vào cuộc kháng chiến đến nay.

Nhiệm vụ quân sự do Bộ Chỉ huy chiến dịch giao cho bộ đội địa phương tỉnh là: Chặn quân địch vào phía Án Lại, Nước Hai, Bản Tấn; chặn đường rút lui về phía Bắc Kạn, Đông Khê; truy kích và tiêu hao địch; chặn đường tiếp tế hàng không của chúng; khi mặt trận Đông Khê nổ súng thì ở thị xã cùng nổ súng phối hợp. Bộ đội địa phương còn được giao nhiệm vụ bảo vệ toàn bộ kho tàng trên các trục đường giao thông chính để phục vụ cho chiến dịch.

Cuối tháng 8, đầu tháng 9/1950, Chủ tịch Hồ Chí Minh lên Cao Bằng. Đây là lần thứ tư Người trở lại Cao Bằng. Tại căn cứ Lam Sơn, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nghe báo cáo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Người đã cho những chỉ thị quan trọng. Sau đó, Người đến Sở chỉ huy chiến dịch và nghe Bộ Chỉ huy chiến dịch báo cáo tình hình. Người kiểm tra kế hoạch tác chiến, xem xét công tác chuẩn bị hậu phương, theo dõi kịp thời diễn biến của chiến dịch, góp những ý kiến chỉ đạo và động viên cán bộ, bộ đội, dân công. Chủ tịch Hồ Chí Minh lên đài quan sát của mặt trận trên đỉnh núi Báo Đông, Người đã làm bài thơ “Lên núi” nổi tiếng: Chống gậy lên non xem trận địa/Vạn trùng núi đỡ vạn trùng mây/Quân ta thế mạnh nuốt Ngưu Đẩu/Thề diệt xâm lăng lũ sói cầy.

Tin Chủ tịch Hồ Chí Minh ra trận đã gây xúc động mạnh mẽ trong lòng cán bộ, chiến sĩ, đặc biệt là đối với nhân dân các dân tộc Cao Bằng. Bác Hồ ra trận là biểu hiện ý chí quyết thắng quân địch cao nhất của Đảng và nhân dân ta. Khắp mặt trận, quân và dân nô nức thi đua lập công, phấn khởi tin tưởng vào thắng lợi.

Đúng 6 giờ sáng ngày 16/9/1950, ta nổ súng đánh Đông Khê mở màn chiến dịch. Đông Khê, một căn cứ quan trọng của địch cách Thất Khê 23 km, sau khi bị đánh hồi tháng 5/1950, từ một cứ điểm, địch đã củng cố Đông Khê thành cụm cứ điểm mạnh. Sau hơn hai ngày đêm chiến đấu ác liệt, quân ta đã tiêu diệt hoàn toàn cụm cứ điểm Đông Khê, diệt trên 300 tên địch, cổ vũ khí thế chiến đấu và tạo ra thế thuận lợi mới cho chiến dịch. Phối hợp với Đông Khê, tại thị xã, quân ta nổ súng giam chân và tiêu hao địch. Trong trận mở màn này, xuất hiện nhiều tấm gương chiến đấu và phục vụ chiến đấu dũng cảm. Chiến sĩ La Văn Cầu nhờ đồng đội dùng lưỡi lê chặt đứt cánh tay bị thương của mình tiếp tục xông lên phá lô cốt địch, giương lá cờ đầu của phong trào giết giặc lập công. Đại đội trưởng Trần Cừ lấy thân mình lấp lỗ châu mai mở đường cho đơn vị xông lên diệt địch. Chiến sĩ dân công Đinh Thị Dậu nhiều lần lăn vào lửa đạn cứu thương binh đưa về hậu tuyến…

Sau khi tiêu diệt Đông Khê, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Bộ chỉ huy Chiến dịch nhận định địch có thể sẽ chiếm lại Đông Khê để giữ Cao Bằng, hoặc phải đánh lên để đón quân ở Cao Bằng rút lui. Do đó, ta cần “nhử thú dữ vào tròng” để “khép vòng lưới thép” tiêu diệt chúng Đúng như dự đoán của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Bộ chỉ huy Chiến dịch, sau thất bại ở Đông Khê, Tổng chỉ huy quân đội Pháp quyết định rút khỏi Cao Bằng bằng cách chiếm lại Đông Khê làm nơi đón quân ở Cao Bằng về, đồng thời cho quân đánh lên thị xã Thái Nguyên hòng phân tán chủ lực ta, cứu nguy cho biên giới; mặt khác mở chiến dịch “Têra”, dùng Binh đoàn “Buya” lên đánh chiếm Đông Khê làm đầu cầu đón quân ở Cao Bằng về.

Đêm 30/9/1950, Binh đoàn Lơ Pagiơ từ Thất Khê lên định bất ngờ chiếm lại Đông Khê. Sáng 1/10/1950, bị chặn đánh, chúng đã chiếm một số điểm cao ở cửa ngõ nam Đông Khê. Ý đồ bất ngờ chiếm lại Đông Khê của địch bị thất bại. Sáng ngày 7/10/1950, ta mở đợt tiến công mới vào đội hình địch. Quân địch hoảng loạn tháo chạy, ta bám đánh và gọi hàng. Chiều ngày 8/10/1950, Lơ-pa-giơ  bị bắt cùng Bộ tham mưu gần Cốc Xả. Binh đoàn Lơ-pa-giơ hoàn toàn bị tiêu diệt.

Được tin Binh đoàn Lơ-pa-giơ lâm vào cảnh khốn quẫn, sáng ngày 3/10/1950, binh đoàn Sáctông gồm 2.000 tên, cùng với tên tỉnh trưởng ngụy quyền Nông Ngọc Tu và một số tay chân đắc lực của chúng buộc phải rút khỏi thị xã Cao Bằng. Ngày 3/10/1950, thị xã Cao Bằng hoàn toàn giải phóng.

Sau khi rút khỏi thị xã Cao Bằng, Binh đoàn Sáctông theo Quốc lộ số 4,  hy vọng hợp quân với Lơ Pagiơ tại Cốc Xả. Trên đường tháo chạy qua Cốc Gằng bị Đại đội 398 thuộc tiểu đoàn địa phương chặn đánh. Đến Nặm Nàng, gặp đoạn đường ta đã phá hủy từ trước, chúng phải bỏ xe chạy theo đường rừng hướng về Bản Lủng, Mông Xã. Ngày 7/10/1950, cùng với bộ đội chủ lực, ta đã chặn đánh địch tại Lam Hai, Nà Gạo, mặc dù máy bay địch ném bom bắn phá xuống trận địa gây cho ta thêm nhiều khó khăn nhưng với ý chí quyết thắng, với tinh thần chủ động tiến công địch, bộ đội ta vây chặt địch ở Cốc Xả. Tiếp theo Binh đoàn Lơ-pa-giơ, Binh đoàn Sác-tông cũng bị tiêu diệt hoàn toàn, Sác-tông cùng với 20 sĩ quan trong Bộ tham mưu và tên Nông Ngọc Tu, Tỉnh trưởng ngụy quyền Cao Bằng phải kéo cờ trắng xin hàng ở bản Nà Kéo. Trên một ngàn quân cứu viện gồm lính bộ binh và lính dù từ Thất Khê lên cũng bị quân ta đánh tại Bông Lau và Lũng Phầy. Trận tiêu diệt gọn Binh đoàn Sác-tông đã đưa chiến dịch tới toàn thắng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng. Sau 29 ngày đêm chiến đấu anh dũng, đến ngày 14/10/1950, chiến dịch Biên giới toàn thắng, ta giải phóng 350.000 dân với diện tích rộng 4.500 km2. Chiến thắng Biên giới đã làm thay đổi cục diện chiến tranh giữa ta và Pháp. Sau chiến dịch này, quân ta liên tiếp giành quyền chủ động tiến công địch, đẩy địch ngày càng lún sâu vào thế phòng ngự bị động.

Thắng lợi của Chiến dịch Biên giới đánh dấu bước trưởng thành lớn của Đảng ta trong việc lãnh đạo và chỉ đạo chiến tranh. Đối với Đảng bộ Cao Bằng, qua chiến dịch cũng được trưởng thành về nhiều mặt. Chiến dịch Biên giới cho Đảng bộ thấy rõ những khả năng to lớn của nhân dân các dân tộc trong tỉnh, khả năng của bộ đội địa phương, dân quân du kích trong việc tham gia phục vụ chiến dịch và hợp đồng chiến đấu tiêu diệt sinh lực địch. Sau chiến dịch này, Ban Chấp hành tỉnh Đảng bộ, Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh và các cơ quan khác của Đảng bộ học thêm được nhiều kinh nghiệm trong lãnh đạo và chỉ đạo chiến tranh ở địa phương, đặc biệt là kinh nghiệm vận động nhân dân các dân tộc thiểu số tham gia vào chiến dịch với một quy mô lớn, trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ của Trung ương Đảng.

Ngay sau khi Cao Bằng được giải phóng (3/10/1950), Tỉnh ủy, Ủy ban kháng chiến Hành chính tỉnh chỉ đạo lực lượng vũ trang, các ban, ngành  và nhân dân trong tỉnh nhanh chóng tiếp quản, thu dọn giải quyết hậu quả chiến tranh, từng bước ổn định đời sống của nhân dân và nơi ở, làm việc của cán bộ, lực lượng vũ trang và các cơ quan nhà nước của tỉnh, đây là chiến thắng của ý Đảng, lòng dân, kết thúc một giai đoạn kháng chiến gian khổ và kiên cường của Đảng bộ, quân và dân các dân tộc Cao Bằng trong cuộc kháng chiến trường kỳ anh dũng do Đảng ta lãnh đạo. Trong chiến thắng Chiến dịch Biên giới giải phóng Cao Bằng, Đảng bộ và quân dân các dân tộc trong tỉnh tự hào đã đóng góp sức người, sức của, phối hợp hiệp đồng chiến đấu có hiệu quả, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong chiến dịch.

Kỷ niệm 73 năm Ngày Giải phóng Cao Bằng (3/10/1950 - 17/10/2023), là dịp để tôn vinh và tri ân các anh hùng, liệt sĩ những người đã anh dũng hy sinh vì sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, bảo vệ quê hương, đất nước. Kế tục và phát huy truyền thống cao quý của các thế hệ cha anh đi trước, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Cao Bằng, toàn thể cán bộ, đảng viên và nhân dân, chiến sĩ lực lượng vũ trang trong tỉnh luôn đoàn kết một lòng, phát huy dân chủ, năng động, sáng tạo tích cực hưởng ứng phong trào thi đua yêu nước gắn với thực hiện có hiệu quả việc đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; phấn đấu hoàn thành và hoàn thành vượt mức các mục tiêu, nhiệm vụ trong năm 2023; thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội  XIII của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX.

***Ban Tổ chức – Kiểm tra tổng hợp.***

**II. Kỷ niệm 524 năm Ngày thành lập tỉnh Cao Bằng (1499 – 2023)**

Thời kỳ Bắc thuộc, vùng đất Cao Bằng thuộc Tượng Quận, sau đó là quận Giao Chỉ. Đến khi Đại Cồ Việt độc lập, vào nửa thế kỷ XI, vùng đất Cao Bằng lần lượt mang những tên khác nhau: nước Trường Sinh (Trường Sinh quốc), rồi nước Đại Lịch (Đại Lịch quốc), nước Nam Thiên (Nam Thiên quốc), nước Đại Nam (Đại Nam quốc), với những người đứng đầu là Nùng Tồn Phúc, Nùng Trí Cao.

**1. Thời kỳ Bắc thuộc,** vùng đất Cao Bằng thuộc Tượng Quận, sau đó là quận Giao Chỉ. Đến khi Đại Cồ Việt độc lập, vào nửa thế kỷ XI, vùng đất Cao Bằng lần lượt mang những tên khác nhau: nước Trường Sinh (Trường Sinh quốc), rồi nước Đại Lịch (Đại Lịch quốc), nước Nam Thiên (Nam Thiên quốc), nước Đại Nam (Đại Nam quốc), với những người đứng đầu là Nùng Tồn Phúc, Nùng Trí Cao.

Thời thuộc Minh, địa bàn tỉnh Cao Bằng ngày nay “là đất các huyện Long Thạch, Thái Nguyên, thuộc phủ Thái Nguyên và các châu Thượng Tư, Hạ Tư, Quảng Nguyên, phủ Lạng Sơn”.

**2. Tiếp theo là danh xưng Cao Bằng (Cao Bình)** xuất hiện, cũng là một trong những địa danh có tên từ rất sớm, lần đầu tiên tên gọi Cao Bằng (Cao Bình) được ghi trong sách Dư địa chí của Nguyễn Trãi viết năm 1435, sách viết: “Bồ và Hòa An ở về Cao Bằng. Bồ là tên sông, Hòa An là tên sông. Cao Bằng xưa là ngoại địa của bộ Vũ Định; Đông Bắc tiếp giáp lưỡng Quảng; Tây Nam tiếp giáp Thái Nguyên, Lạng Sơn. Có 1 lộ phủ, 4 châu, 273 làng xã. Đấy là nơi phên dậu thứ tư về phương bắc vậy”.

Theo Nguyễn Trãi, hồi bấy giờ (1435) Cao Bằng đã ở hàng cấp lộ. Đời vua Lê Thánh Tông (Quang Thuận 1460 – 1469, Hồng Đức 1470 – 1497), năm Hồng Đức thứ 3 (1472) đặt các thừa tuyên, phủ, huyện, châu. Phủ Cao Bằng thuộc Thừa tuyên Ninh Sóc, phủ Cao Bằng có 4 châu. Năm Hồng Đức thứ 4 (1473), Thừa tuyên Ninh Sóc lại được đổi thành Thừa tuyên Thái Nguyên, phủ Bắc Bình được đổi làm phủ Cao Bình (Cao Bằng) vẫn thuộc Thừa tuyên Thái Nguyên. Theo bản đồ Hồng Đức (1490) thì phủ Cao Bằng có 4 châu, 172 xã, 4 thôn, 22 trang.

**3. Đến đời vua Lê Hiến Tông (1497 – 1504),** nhận thấy vị trí đặc biệt quan trọng của miền đất Cao Bằng, năm Cảnh Thống thứ hai (1499), nhà vua đã tách phủ Cao Bằng ra khỏi Thừa tuyên Thái Nguyên để thành lập trấn Cao Bằng, trong Đại Việt địa dư toàn biên của Nguyễn Văn Siêu ghi rõ: “Năm Cảnh Thống thứ hai mới đặt riêng làm trấn Cao Bằng… đến năm Vĩnh Trị thứ hai (1677) nhà Mạc mất, nhà Lê lại đặt lại trấn Cao Bằng”. Như vậy, Cao Bằng tách khỏi Thừa tuyên Thái Nguyên từ rất sớm và được thành lập một khu vực hành chính của quốc gia Đại Việt với chức năng quản lý trấn vào năm 1499, dưới triều vua Lê Hiến Tông. Học giả Phan Huy Chú từng nhấn mạnh chức vụ Trấn ty và vùng đất Cao Bằng: “Thời Trung Hưng về sau bãi chức đô ty, lại đặt chức Trấn thủ, duy có ba xứ Cao Bằng, Lạng Sơn và Nghệ An vì việc biên giới quan trọng, phiền kịch đều đặt chức Đốc trấn”.

**4. Dưới thời Tây Sơn, năm 1789,** sau khi đánh đuổi 29 vạn quân Thanh, vua Quang Trung – Nguyễn Huệ tiến hành chấn chỉnh lại hệ thống hành chính, thay đổi tên gọi. Để tránh tên húy của vua Quang Trung là Nguyễn Quang Bình, các vùng đất có tên là Bình đều phải đổi tên, từ đó trấn Cao Bình đổi thành Cao Bằng. Vào đầu triều Nguyễn đặt lại tên cũ là Cao Bình, nhưng do thói quen kiêng kỵ nên sử sách và người dân cho đến nay vẫn gọi là Cao Bằng.

Thời nhà Nguyễn, theo sách “Tên làng xã Việt Nam đến đầu thế kỷ XIX” là một bộ địa danh hành chính đời Gia Long (1802 – 1820), trấn Cao Bằng gồm 4 châu (Thạch Lâm, Quảng Uyên, Thượng Lang, Hạ Lang), 27 tổng, 233 xã, thôn, phường, phố, trại, động.

Khi nối ngôi vua Gia Long năm 1820, năm Minh Mệnh thứ 12 (1831) tiến hành cải cách hành chính từ Trung ương đến địa phương, đổi trấn làm tỉnh. Nhà vua quyết định: “Chia địa hạt các tỉnh… Cao Bằng thống trị một phủ là Trùng Khánh; 4 châu là Quảng Uyên, Thượng Lang, Hạ Lang và Thạch Lâm”, đến tháng 3/1834, nhà Nguyễn đổi các châu Thạch Lâm, Thượng Lang, Quảng Uyên thuộc Cao Bằng làm huyện. Đặt tri huyện và giáo chức, tháng 5 năm đó lại đổi tiếp châu Hạ Lang thành huyện.

Tháng 6 nhuận năm 1835, triều đình nhà Nguyễn cho rằng Cao Bằng chỉ có một phủ và 5 huyện, đất đai khá rộng, nên quyết định đặt thêm phủ để chia sẻ bớt công việc. Vì vậy, năm Minh Mệnh thứ 16 (1835) lập thêm phủ Hòa An; chia huyện Thạch Lâm thành hai huyện Thạch Lâm và Thạch An, thuộc phủ Hòa An. Tri phủ Hòa An kiêm lý huyện Thạch Lâm và thống hạt huyện Thạch An. Còn ba huyện: Thượng Lang, Hạ Lang, Quảng Uyên vẫn là phủ Trùng Khánh. Tri phủ Trùng Khánh kiêm lý Hạ Lang, thống hạt Thượng Lang và Quảng Uyên. Bỏ chế độ thổ quan, đặt chế độ lưu quan. Năm Tự Đức thứ tư (1851), triều đình lại bỏ phủ Hòa An, do vậy, từ năm 1851 trở đi tỉnh Cao Bằng chỉ còn một phủ Trùng Khánh gồm 5 huyện: Thạch Lâm, Thạch An, Quảng Uyên, Thượng Lang, Hạ Lang.

**5. Khi thực dân Pháp xâm lược nước ta (1858**) và xâm chiếm Cao Bằng (1886), nhà Nguyễn vẫn duy trì bộ máy chính quyền để quản lý vùng biên và tích cực thực hiện chính sách lưu quan. Sau đó, thực dân Pháp cai trị Cao Bằng theo chế độ quân quản, năm 1888, Cao Bằng là một khu. Đến năm 1891, Pháp bỏ các quân khu và thiết lập đạo quan binh, Cao Bằng trở thành tiểu quân khu thuộc đạo quan binh 2, gồm 3 tiểu quân khu: Cao Bằng, Bảo Lạc, Bắc Kạn, lỵ sở đạo lỵ đặt tại thị xã Cao Bằng. Từ năm 1886 – 1945, tên gọi, địa giới các đơn vị hành chính tỉnh Cao Bằng có sự thay đổi. Cuối thế kỷ 19, Cao Bằng có phủ Trùng Khánh (gồm 3 châu: Thượng Lang, Hạ Lang, Quảng Uyên), phủ Hòa An (gồm 3 châu: Thạch Lâm, Thạch An, Nguyên Bình). Năm 1926, Cao Bằng là “Đạo quan binh thứ nhì” gồm 1 phủ (Hòa An), 7 châu: Hà Quảng, Thạch An, Nguyên Bình, Phục Hòa, Quảng Uyên, Thượng Lang, Hạ Lang gồm 31 tổng và 222 xã. Theo cuốn “Danh mục các làng, xã Bắc Kỳ”, năm 1928 tỉnh Cao Bằng gồm 1 phủ, 8 châu, 33 tổng, 230 xã. Đó là phủ Hòa An, các châu Bảo Lạc, Hà Quảng, Hạ Lang, Nguyên Bình, Phục Hòa, Quảng Uyên, Thạch An, Thượng Lang.

**6. Sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945**, Cao Bằng cùng cả nước bước sang một giai đoạn lịch sử mới. Năm 1948, Chính phủ quyết định bãi bỏ cấp phủ, tổng, đạo. Cấp trên xã và dưới cấp tỉnh đều thống nhất gọi là huyện. Cao Bằng có 11 huyện, thị gồm: Thị xã Cao Bằng, các huyện Hòa An, Hà Quảng, Bảo Lạc, Nguyên Bình, Thạch An, Phục Hòa, Hạ Lang, Quảng Uyên, Trùng Khánh, Trấn Biên. Ngày 3/10/1950, Cao Bằng hoàn toàn giải phóng. Sau khi kháng chiến chống Pháp thắng lợi, ngày 1/7/1956, Cao Bằng cùng các tỉnh Bắc Kạn, Lạng Sơn, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Hà Giang lập thành Khu tự trị Việt Bắc.

Trong thời kỳ đi lên chủ nghĩa xã hội, đơn vị hành chính Cao Bằng tiếp tục điều chỉnh. Ngày 20/3/1958, huyện Trấn Biên đổi tên thành huyện Trà Lĩnh; ngày 7/4/1966, huyện Hà Quảng được chia tách thành 2 huyện: Thông Nông, Hà Quảng; ngày 3/3/1967, hợp nhất hai huyện Quảng Uyên và Phục Hòa thành huyện Quảng Hòa; ngày 15/9/1969, giải thể huyện Hạ Lang, sáp nhập một số xã vào huyện Quảng Hòa và một số xã vào huyện Trùng Khánh.

Ngày 27/12/1975, tỉnh Cao Bằng và Lạng Sơn hợp nhất thành tỉnh Cao Lạng, tỉnh lỵ đặt tại thị xã Cao Bằng. Đến ngày 29/12/1978, tỉnh Cao Lạng lại được chia thành 2 tỉnh Cao Bằng, Lạng Sơn. Hai huyện Ngân Sơn và Chợ Rã thuộc tỉnh Bắc Thái được sáp nhập vào tỉnh Cao Bằng, từ năm 1979 tỉnh Cao Bằng có 12 huyện, thị. Đến ngày 1/9/1981, huyện Hạ Lang được tái lập. Năm 1996, hai huyện Ngân Sơn, Ba Bể được tách về tỉnh Bắc Kạn mới tái lập; từ đó Cao Bằng có 11 đơn vị hành chính cấp huyện, thị (1 thị xã, 10 huyện) và 189 xã, phường, thị trấn.

Đến năm 2000, huyện Bảo Lạc được chia thành 2 huyện là Bảo Lạc, Bảo Lâm. Năm 2001, huyện Quảng Hòa lại được chia tách thành 2 huyện là Quảng Uyên, Phục Hòa. Năm 2006 và 2007, địa giới hành chính một số xã được điều chỉnh và thành lập thêm một số xã mới tại các huyện Bảo Lạc, Bảo Lâm, Hà Quảng, Thông Nông, Trùng Khánh. Năm 2012, thành phố Cao Bằng được thành lập trên cơ sở diện tích, dân số… của thị xã Cao Bằng. Sau nhiều lần thay đổi địa giới hành chính, hiện nay Cao Bằng có 1 thành phố và 09 huyện, 161 đơn vị hành chính cấp xã, bao gồm 14 thị trấn, 8 phường và 139 xã.

Với bề dày lịch sử 524 năm xây dựng và phát triển, trải qua các thời kỳ lịch sử, Cao Bằng vẫn luôn giữ được vai trò là đơn vị hành chính có vị trí chiến lược trọng yếu và xứng danh là “phên dậu” vững chắc nơi biên cương phía Bắc của đất nước. Non nước Cao Bằng hội tụ nhiều giá trị lịch sử, văn hóa đặc sắc, đậm đà bản sắc dân tộc, kết tinh nhiều giá trị nhân văn cao đẹp, đang được bảo tồn và phát huy./.

***Ban Tổ chức – Kiểm tra tổng hợp.***

# III. Kỷ niệm 93 năm Ngày thành lập Hội Nông dân Việt Nam (14/10/1930 – 14/10/2023)

Phát huy vai trò của tổ chức Hội Nông dân trong sự nghiệp cách mạng và tiến tới Đại hội đại biểu nông dân toàn quốc, Đảng và Nhà nước đã nhiều văn bản chỉ đạo đối với giai cấp nông dân Việt Nam, như:

Ngày 18/9/1974, Ban Bí thư Trung ương Đảng đã ra Chỉ thị số 209 – CT/TW về tổ chức Đại hội Đại biểu nông dân tập thể các cấp.

Ngày 11/10/1974, Ban Bí thư ra Thông báo số 16 – TB/TW về việc thành lập Ban Trù bị Đại hội đại biểu nông dân tập thể Trung ương (gắn với Ban Nông nghiệp Trung ương).

Ngày 25/6/1979, Ban Bí thư ra Công văn số 156 – CV/TW, quyết định tách Ban Trù bị Đại hội đại biểu nông dân tập thể Trung ương (trước đây nằm trong Ban Nông nghiệp Trung ương) thành một cơ quan riêng trực thuộc Ban Bí thư, thuộc hệ thống các đoàn thể quần chúng.

Ngày 27/9/1979, Ban Bí thư ra Chỉ thị số 78 – CT/TƯ về việc tổ chức Hội Liên hiệp nông dân tập thể Việt Nam.

Để phát triển sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và đoàn kết nông dân lao động, đưa nông thôn nước ta tiến lên CNXH, Bộ Chính trị đã quyết định thành lập tổ chức thống nhất của nông dân lao động trong cả nước, có hệ thống từ Trung ương đến cơ sở, lấy tên **là Hội Liên hiệp Nông dân tập thể Việt Nam**. Chỉ thị khẳng định Hội Liên hiệp Nông dân tập thể Việt Nam là tổ chức quần chúng rộng rãi của nông dân lao động trong cả nước, Hội có nhiệm vụ tập hợp, đoàn kết nông dân để giáo dục, vận động nông dân thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước ta, hoàn thiện quan hệ sản xuất XHCN ở miền Bắc và cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp miền Nam, đưa nông thôn tiến lên CNXH. Hội kết nạp tất cả nông dân hăng hái phấn đấu vào con đường làm ăn tập thể XHCN, theo nguyện tắc tự nguyện.

**Hội Liên hiệp Nông dân tập thể Việt Nam** được thành lập có ý nghĩa chính trị to lớn. Sau nhiều năm không có tổ chức Hội (ở miền Bắc) nay giai cấp nông dân cả nước có tổ chức thống nhất từ Trung ương xuống cơ sở.

Tuy nhiên, do nhiều nguyên nhân khác nhau, nông nghiệp nước ta chưa có những chuyển biến tích cực. Mô hình hợp tác xã nông nghiệp trong thời gian qua nay không còn phù hợp. Những hạn chế của nó đã dẫn đến những biểu hiện suy thoái trong phát triển sản xuất, những dấu hiệu khủng hoảng, bất hợp lý bộc lộ ngày càng rõ, đời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn.

Tổ chức Hội Nông dân ngày càng được Đảng quan tâm hơn. Ngày 27/9/1981, Ban Bí thư ra Chỉ thị số 116 - CT/TW về tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng đối với tổ chức và hoạt động của Hội Liên hiệp nông dân tập thể Việt Nam.

Về tổ chức Hội, Ban Bí thư quy định: “Ở Trung ương, tỉnh, huyện thành lập Hội đồng của Hội Liên hiệp nông dân tập thể ở từng cấp; cơ quan của Hội đồng gắn với Ban Nông nghiệp của Đảng, là một bộ phận của Ban Nông nghiệp Trung ương, Ban Nông nghiệp tỉnh, thành phố. Ở cấp huyện, cử đồng chí thường vụ cấp ủy Đảng phụ trách nông nghiệp trực tiếp làm chủ tịch Hội đồng nông dân tập thể ở huyện và một số cán bộ có chất lượng giúp việc làm những nhiệm vụ thường trực của Hội đồng nông dân tập thể huyện”. Đồng thời, quyết định cho ban hành Điều lệ Hội Liên hiệp Nông dân tập thể Việt Nam quy định rõ tính chất, mục đích, nhiệm vụ của Hội và tổ chức Hội ở các cấp và Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ nhất Hội Liên hiệp Nông dân tập thể Việt Nam.

Ngày 20/12/1982, Ban Bí thư ra Thông tri số 22 – TT/TW quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Trù bị Đại hội đại biểu nông dân tập thể toàn quốc. Ngày 13/02/1984, Ban Bí thư ra Thông báo số 32 – TB/TW về việc mở Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ nhất Hội Liên hiệp Nông dân tập thể Việt Nam. Ngày 10/3/1984, Ban Bí thư Trung ương Đảng ra Công văn số 326 – CV/TW về Hướng dẫn công tác chuẩn bị và tổ chức Đại hội đại biểu nông dân tập thể các cấp và đại hội toàn quốc Hội Liên hiệp Nông dân tập thể Việt Nam.

Từ ngày 28/5 - 31/5/1984, tại Hậu Giang, Ban Trù bị Đại hội đại biểu nông dân tập thể toàn quốc đã tổ chức họp với 39/40 tỉnh, thành phố trong cả nước để sơ kết Đại hội các cấp chuẩn bị Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ nhất Hội Liên hiệp Nông dân tập thể Việt Nam.

Ngày 22/6/1984, Ban Bí thư ra Thông tri số 45 - TT/TW, về tổ chức của Hội Liên hiệp Nông dân tập thể Việt Nam. Hội Liên hiệp Nông dân tập thể Việt Nam là một tổ chức quần chúng rộng rãi của nông dân lao động do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo. Địa bàn hoạt động chủ yếu của Hội là cơ sở. Cơ quan của Hội các cấp là Hội đồng Hội Liên hiệp nông dân tập thể. Tổ chức cơ sở của Hội là Hợp tác xã quy mô toàn xã, xã viên là hội viên, được kết nạp tập thể. Ở cấp huyện do đồng chí huyện ủy phụ trách nông nghiệp làm Chủ tịch; ở cấp tỉnh, thành phố do Trưởng hoặc Phó Ban Nông nghiệp làm Chủ tịch. Hội đồng sử dụng bộ máy của Ban Nông nghiệp tỉnh, thành làm thường trực của Hội. Ở Trung ương do đồng chí Trưởng ban Nông nghiệp Trung ương làm Chủ tịch. Hội đồng sử dụng bộ máy của Ban Nông nghiệp Trung ương làm thường trực Hội. Chuyển Ban Chấp hành của Hội ở các cấp thành Hội đồng.

Để thống nhất quan điểm, nhận thức về vị trí, vai trò, tổ chức hoạt động của Hội Liên hiệp Hội Nông dân tập thể, đồng thời chuẩn bị tốt hơn về mọi mặt cho Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ nhất Hội Liên hiệp Nông dân tập thể Việt Nam.

Từ ngày 26/4 - 28/4/1986, tại thị xã Hà Đông, tỉnh Hà Sơn Bình, Ban Nông nghiệp Trung ương đã tổ chức hội nghị các Trưởng ban Nông nghiệp và Chủ tịch Hội Nông dân tập thể các tỉnh, thành phố dưới sự chủ trì của đồng chí Nguyễn Thanh Bình, Bí thư Trung ương Đảng, cùng các đồng chí Vũ Oanh, Dương Quốc Cẩm.

Quán triệt tinh thần đổi mới theo nội dung Nghị quyết Đại hội VI của Đảng, nhằm đẩy mạnh hoạt động của Hội Liên hiệp Nông dân tập thể Việt Nam, ngày 24/3/1987, Ban Bí thư Trung ương Đảng đã ra Chỉ thị số 05/CT-TW về Tổ chức Hội Liên hiệp Nông dân tập thể Việt Nam và Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ nhất của Hội.

Ngày 01/3/1988, Ban Bí thư Trung ương Đảng đã ra Quyết định số 42 - QĐ/TW về việc đổi tên Hội Liên hiệp Nông dân tập thể Việt Nam thành **Hội Nông dân Việt Nam**. Tại phiên họp ngày 17/01/1991, Bộ Chính trị đã đồng ý lấy **ngày 14 tháng 10 năm 1930** làm Ngày thành **lập Hội Nông dân Việt Nam.**

Ngày 20/5/1991, Ban Bí thư đã ra Chỉ thị số 69 – CT/TƯ về việc Tổ chức kỷ niệm 61 năm Ngày thành lập Hội Nông dân Việt Nam (14/10/1930 – 14/10/1991). Lần đầu tiên Hội Nông dân Việt Nam tổ chức mít tinh kỷ niệm trọng thể 61 năm Ngày thành lập Hội tại Thủ đô Hà Nội, Tổng Bí thư Đỗ Mười tới dự và có bài phát biểu quan trọng.

Qua 93 năm xây dựng và phát triển, **Hội Nông dân Việt Nam** đã vinh dự được Đảng, Nhà nước ghi nhận và trao tặng các hình thức khen thưởng cao quý. Trong đó có 02 lần vinh dự được trao tặng Huân chương Sao Vàng; 01 lần vinh dự được trao tặng Huân chương Độc Lập; Kỷ niệm 90 năm Ngày thành lập Hội Nông dân Việt Nam (14/10/1930-14/10/2020), Hội Nông dân Việt Nam vinh dự được Đảng, Nhà nước trao tặng Huân chương Hồ Chí Minh./.

***Ban Tổ chức – Kiểm tra tổng hợp.***

**IV. Kỷ niệm 67 năm Ngày thành lập Hội LHTN Việt Nam**

 **(15/10/1956 -15/10/2023)**

Trong cuộc đời hoạt động cách mạng của mình Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại luôn dành những tình cảm tốt đẹp cũng như thời gian, công sức, trí tuệ của mình để giáo dục, bồi dưỡng các thế hệ thanh niên Việt Nam đến với cách mạng, tham gia vào quá trình đấu tranh giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc… Bởi theo Người thanh niên luôn là lực lượng tiên phong, xung kích trên các mặt trận, góp phần xây dựng hoà bình. Bác rất tin tưởng ở thanh niên - lực lượng hậu bị của Đảng và là lực lượng cách mạng cho đời sau.

Ngay từ thời trẻ, Người đã ý thức được vai trò của thanh niên trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc là vô cùng to lớn. Như tình cảm của một người cha đối với con, Bác Hồ hiểu rõ những ưu, nhược điểm của thanh niên nước ta. Bác luôn căn dặn thanh niên: *“Thanh niên sẽ làm chủ nước nhà. Phải học tập mãi, tiến bộ mãi, mới thật là thanh niên”.* Bác luôn nhấn mạnh đến việc học tập, vấn đề cốt lõi để các thế hệ thanh niên trang bị cho mình sự hiểu biết, vốn kiến thức, một trong những điều kiện tiên quyết để đảm bảo cho các thế hệ thanh niên có thể vươn mình ra biển lớn, lấy sức trẻ làm giàu cho Tổ quốc, quê hương.

Có thể khẳng định rằng, chăm lo, bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là một bộ phận quan trọng trong hệ thống tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Người đã dành cho thế hệ trẻ những tình cảm và sự quan tâm sâu sắc.

Nhân dịp kỷ niệm 67 năm Ngày thành lập Hội LHTN Việt Nam (15/10/1956 - 15/10/2023). Nhân dịp này, xin được trích dẫn những lời dạy mà lúc sinh thời Bác đã dành cho các thế hệ thanh niên Việt Nam để thấy được những tình cảm sâu sắc, sự quan tâm bồi dưỡng những thế hệ thanh niên của Bác kính yêu.

*Hỡi Đông Dương đáng thương hại! Người sẽ chết mất, nếu đám thanh niên già cỗi của Người không sớm hồi sinh”.*

(Thư gửi Thanh niên An Nam, 1925)

*“… ngày nay chúng ta phải xây dựng lại cơ đồ mà tổ tiên để lại cho chúng ta, làm sao cho chúng ta theo kịp các nước khác trên toàn cầu. Trong công cuộc kiến thiết đó, nhà nước trông mong chờ đợi ở các em rất nhiều. Non sông Việt Nam có trở nên tươi đẹp hay không, dân tộc Việt Nam có bước tới đài vinh quang để sánh vai cùng các cường quốc năm châu được hay không chính là nhờ một phần lớn ở công học tập của các em”.*

(Thư gửi các em học sinh nhân Ngày khai trường đầu tiên
 của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, tháng 9/1945)

*“Hỡi anh chị em thanh niên Nam Bộ!*

*Tôi thề cùng các bạn giữ vững nền độc lập tự do của nước Việt Nam. Dẫu có phải hy sinh đến nửa số dân tộc, ta cũng quyết hy sinh. Cuộc kháng chiến tự vệ chính nghĩa của dân tộc Việt Nam phải toàn thắng”.*

(“Lời kêu gọi thanh niên Nam Bộ”, ngày 30/10/1945)

*“... Một năm khởi đầu từ mùa Xuân. Một đời khởi đầu từ tuổi trẻ. Tuổi trẻ là mùa Xuân của xã hội.*

*Vậy qua năm mới, các cháu phải xung phong thực hành “đời sống mới”.*

*Đời sống mới là:*

*- Hăng hái, kiên quyết, không sợ khó, không sợ khổ.*

*- Phải siêng học, phải siêng làm, phải tiết kiệm.*

*- Việc nên làm (như ủng hộ kháng chiến, tăng gia sản xuất) thì ta không chờ ai nhắc nhủ.*

*- Việc nên tránh (như tự tư tự lợi) thì ta không đợi ai ngăn ngừa”*

 (Gửi thanh niên và nhi đồng toàn quốc nhân dịp Tết sắp đến,
1 - 1946, Sđd, tập 4, trang 167)

*“… Nước nhà thịnh hay suy, yếu hay mạnh một phần lớn là do các thanh niên. Thanh niên muốn làm chủ tương lai cho xứng đáng thì ngay hiện tại phải rèn luyện tinh thần và lực lượng của mình, phải làm việc để chuẩn bị cái tương lai đó”.*

 (“Thư gửi các bạn thanh niên”, ngày 12/8/1947)

*“Không có việc gì khó*

*Chỉ sợ lòng không bền*

*Đào núi và lấp biển*

*Quyết chí ắt làm nên”.*

(Bài thơ Bác tặng Đơn vị thanh niên xung phong 312
 làm đường tại xã Cẩm Giàng, Bạch Thông, Bắc Kạn, ngày 28/3/1951)

*“Ưu điểm của thanh niên ta là hăng hái, giàu tinh thần xung phong. Khuyết điểm là ham chuộng hình thức, thiếu thực tế, bệnh cá nhân, bệnh anh hùng. Rất mong toàn thể thanh niên ta ra sức phát triển những ưu điểm và tẩy sạch những khuyết điểm ấy. Huy hiệu của thanh niên ta là “tay cầm cờ đỏ sao vàng tiến lên”. Ý nghĩa của nó là: Phải xung phong làm gương mẫu trong công tác, trong học hỏi, trong tiến bộ, trong đạo đức cách mạng. Thanh niên phải thành một lực lượng to lớn và vững chắc trong công cuộc kháng chiến và kiến quốc. Đồng thời phải vui vẻ, hoạt bát. Bác mong mỗi cháu và toàn thể các cháu nam nữ thanh niên cố gắng làm tròn nhiệm vụ, để xứng đáng với cái huy hiệu tươi đẹp và vẻ vang ấy”.*

(Thư gửi thanh niên, tháng 4/1951, Hồ Chí Minh toàn tập)

*“Kháng chiến càng tiến tới, công việc ngày càng nhiều, chúng ta cần củng cố và phát triển Ðội TNXP để bảo đảm thêm công việc kháng chiến và đào tạo cán bộ sau này. Nhiệm vụ của Ðội TNXP là xung phong mọi việc bất kỳ việc khó, việc dễ và phục vụ đến ngày kháng chiến thành công. Ðó là nhiệm vụ rất vẻ vang của thanh niên”.*

(“Ðội Thanh niên xung phong” đăng trên báo Nhân Dân số 147, 1953)

*“Nhiệm vụ của thanh niên không phải là hỏi nước nhà đã cho mình những gì. Mà phải tự hỏi mình đã làm gì cho nước nhà? Mình phải làm thế nào cho ích lợi nước nhà nhiều hơn? Mình đã vì lợi ích nước nhà mà hy sinh phấn đấu chừng nào?”*

(Bài nói chuyện với sinh viên và thanh niên trong
Lễ khai mạc Trường Đại học Nhân dân Việt Nam ngày 19/11/1955)

*“Tính trung bình thanh niên chiếm độ 1 phần 3 tổng số nhân dân – tức là một lực lượng to lớn. Lực lượng to lớn thì phải có nhiệm vụ to lớn”*

(“Nhiệm vụ của thanh niên ta”, báo Nhân dân ngày 20/12/1955)

*“Người ta thường nói: Thanh niên là người chủ tương lai của nước nhà. Để thật xứng đáng là người chủ của một nước xã hội chủ nghĩa, thanh niên ta quyết tâm thực hiện mấy điều sau đây:*

*- Phải thấm nhuần đạo đức cách mạng tức là khiêm tốn, đoàn kết, thực hành chủ nghĩa tập thể, thương yêu, giúp đỡ lẫn nhau, người tiên tiến thì giúp đỡ người kém, người kém phải cố gắng để tiến lên, ra sức cần kiệm xây dựng nước nhà.*

*- Phải nghiêm khắc chống chủ nghĩa cá nhân như tự tư tự lợi, tự kiêu, tự mãn, chỉ tham việc gì có danh tiếng, xem khinh những công việc bình thường. Phải chống tham ô, lãng phí.*

*- Phải cố gắng học hỏi để không ngừng nâng cao trình độ chính trị, văn hóa và kỹ thuật để phục vụ Tổ quốc, phục vụ nhân dân.”*

(Bài nói chuyện tại Đại hội Thanh niên tích
 cực lao động xã hội chủ nghĩa, ngày 17/3/960)

*“Thanh niên ta phải cố gắng học. Do hoàn cảnh trong xã hội cũ hạn chế nên số đông thanh niên công – nông ta ít được học. Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội thì nhất định phải có học thức”.*

(Bài nói chuyện tại Đại hội lần thứ III
của Đoàn thanh niên Lao động Việt Nam, ngày 24/3/1961)

*“Bác rất yêu quý thanh niên:*

*- Vì thanh niên là người tiếp sức cách mạng cho thế hệ thanh niên già, đồng thời là người phụ trách, dìu dắt thế hệ thanh niên tương lai - tức là các cháu nhi đồng.*

*- Vì thanh niên là người xung phong trong công cuộc phát triển kinh tế và văn hóa trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội.*

*- Vì thanh niên là lực lượng cơ bản trong bộ đội, công an và dân quân tự vệ, đang hăng hái giữ gìn trật tự trị an, bảo vệ Tổ quốc”.*

(Bài nói chuyện tại Đại hội toàn quốc lần thứ hai
 của Hội Liên hiệp thanh niên Việt Nam, ngày 20/12/1961)

*“Phải không sợ khổ, không sợ khó, thực hiện đâu cần thanh niên có, việc khó có thanh niên, gặp gian khổ phải đi lên phía trước, khi hưởng thụ phải hưởng thụ sau mọi người”.*

(Bài phát biểu tại Hội nghị Cán bộ toàn miền Bắc, tháng 9/1962)

*Đảng, Chính phủ và Bác rất chú ý đến thanh niên. Bác vui lòng khen ngợi những cố gắng của thanh niên… Thanh niên phải xung phong đến những nơi khó khăn gian khổ nhất, nơi nào người khác làm ít kết quả, thanh niên phải xung phong đến làm cho tốt.*

*Trọn đời trung thành với sự nghiệp cách mạng, với Tổ quốc, với Đảng, với giai cấp.*

*Không sợ khổ, không sợ khó, thực hiện: "Đâu cần thanh niên có, việc gì khó thanh niên làm", "gian khổ thì đi trước, hưởng thụ sau mọi người".*

*Không nên tự cho mình là tài giỏi, không khoe công, không tự phụ”*

(Bài phát biểu tại Hội nghị cán bộ Đoàn Thanh niên
Lao động Việt Nam toàn miền Bắc, ngày 22/9/1962)

*“Bác muốn dặn thêm các cháu mấy điều:*

*- Phải luôn luôn nâng cao chí khí cách mạng “trung với nước, hiếu với dân, nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng”. Không sợ gian khổ, hy sinh, hăng hái thi đua tăng gia sản xuất và anh dũng chiến đấu, xung phong đi đầu trong sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước.*

*- Phải tin tưởng sâu sắc ở lực lượng và trí tuệ của tập thể, của nhân dân. Tăng cường đoàn kết và giúp đỡ lẫn nhau. Nâng cao ý thức tổ chức và kỷ luật. Kiên quyết chống chủ nghĩa cá nhân và chủ nghĩa tự do.*

*- Luôn luôn trau dồi đạo đức cách mạng, khiêm tốn và giản dị. Chống kiêu căng, tự mãn. Chống lãng phí, xa hoa. Thực hành tự phê bình và phê bình nghiêm chỉnh, để giúp nhau cùng tiến bộ mãi.*

*- Ra sức học tập nâng cao trình độ chính trị, văn hoá, khoa học kỹ thuật và quân sự để cống hiến ngày càng nhiều cho Tổ quốc, cho nhân dân.*

*- Luôn luôn chú ý dìu dắt và giáo dục thiếu niên và nhi đồng, làm gương tốt về mọi mặt cho đàn em noi theo”.*

(Thư gửi thanh niên ngày 2/9/1965)

*“Các cháu xứng đáng là những thanh niên ưu tú của nhân dân Việt Nam anh hùng. Và, giặc Mỹ đã thua to ở hai miền nước ta, chúng đang thất bại ngày càng nặng nề hơn ở miền Nam, nhưng chúng vẫn rất ngoan cố chưa chịu từ bỏ âm mưu xâm lược nước ta. Vì vậy, Bác nhắc nhở các cháu: Phải nêu cao ý chí chiến đấu, tinh thần cảnh giác cách mạng, cùng quân dân ta quyết tâm đánh thắng hoàn toàn giặc Mỹ xâm lược; luôn luôn đoàn kết, ra sức học tập chính trị, kỹ thuật, văn hóa để ngày càng tiến bộ, đem hết nhiệt tình tài năng của tuổi trẻ cống hiến thật nhiều cho sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước”.*

(Thư khen ngợi đơn vị TNXP 333 có nhiều thành
tích xuất sắc trên các tuyến đường Khu Bốn ác liệt, ngày 27/1/1969)

*“Đoàn viên và thanh niên ta nói chung là tốt, mọi việc đều hăng hái xung phong, có chí tiến thủ. Đảng cần phải chăm lo giáo dục đạo đức cách mạng cho họ, đào tạo họ thành những người thừa kế xây dựng xã hội chủ nghĩa vừa “hồng” vừa “chuyên”.*

(Di Chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh)

# NHỮNG MỐC SON TRONG QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN CỦA HỘI LIÊN HIỆP THANH NIÊN VIỆT NAM (15/10/1956-15/10/2023)

# ----

#  - Tháng 6-1946: Tổng đoàn Thanh niên Việt Nam ra đời, sau đổi thành Liên đoàn Thanh niên Việt Nam do Đoàn Thanh niên Cứu quốc làm nòng cốt.

#  - Tháng 2-1950: Liên đoàn Thanh niên Việt Nam tổ chức Đại hội lần thứ I tại xã Cao Vân, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

#  - Từ ngày 8 đến 15-10-1956: Triệu tập đại hội để thống nhất các tổ chức thanh niên Việt Nam và lấy tên là Hội LHTN Việt Nam.

#  - Ngày 20-12-1960: Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam ra đời, sau đó, Hội LHTN giải phóng miền Nam được thành lập.

#  - Tháng 12-1961: Đại hội đại biểu toàn quốc Hội LHTN Việt Nam lần thứ II được tổ chức tại Thủ đô Hà Nội với hơn 400 đại biểu tham dự.

#  - Từ ngày 20 đến 21-9-1976: Hội LHTN Việt Nam và Hội LHTN giải phóng miền Nam tổ chức hội nghị, thống nhất lấy tên chung là Hội LHTN Việt Nam.

#  - Ngày 8-12-1994: Đại hội đại biểu toàn quốc Hội LHTN Việt Nam lần thứ III khai mạc tại Hà Nội với 400 đại biểu. Đại hội quyết định lấy ngày 15-10 là ngày truyền thống hằng năm của Hội LHTN Việt Nam.

#  - Từ ngày 13 đến 15-1-2000: Đại hội đại biểu toàn quốc Hội LHTN Việt Nam lần thứ IV được tổ chức tại Hà Nội với 599 đại biểu tham dự.

#  - Từ ngày 25 đến 27-2-2005: Đại hội đại biểu toàn quốc Hội LHTN Việt Nam lần thứ V được tổ chức tại Hà Nội với 798 đại biểu tham dự.

#  - Từ ngày 26 đến 27-4-2010: Đại hội đại biểu toàn quốc Hội LHTN Việt Nam lần thứ VI được tổ chức tại Hà Nội với 995 đại biểu tham dự.

#  - Từ ngày 27 đến 29-12-2014: Đại hội đại biểu toàn quốc Hội LHTN Việt Nam lần thứ VII được tổ chức tại Hà Nội với 800 đại biểu tham dự.

#  - Từ ngày 10 đến 12-12-2019: Đại hội đại biểu toàn quốc Hội LHTN Việt Nam lần thứ VIII được tổ chức tại Hà Nội với 996 đại biểu tham dự./.

#

**V. Kỷ niệm Ngày truyền thống các cơ quan tham mưu giúp việc cấp ủy**

**4.1. Kỷ niệm 93 năm Ngày truyền thống ngành Tổ chức Xây dựng Đảng (14/10/1930 – 14/10/023) và 75 năm thành lập Ban Tổ chức Tỉnh ủy Cao Bằng (25/5/1948 – 25/5/2023)**

*(Có đề cương riêng gửi kèm)*

**4.2. Kỷ niệm 93 năm Ngày truyền thống công tác Dân vận của Đảng (15/10/1930 – 15/10/2023)**

***\* Ý nghĩa lịch sử của ngày 15/10 – Ngày truyền thống công tác dân vận của Đảng***

Từ ngày 06/01 đến ngày 07/02/1930, Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam được tổ chức tại Hồng Kông (Trung Quốc) do đồng chí Nguyễn Ái Quốc chủ trì với tư cách là phái viên của Quốc tế Cộng sản. Các văn kiện được thông qua tại Hội nghị (Chánh cương vắn tắt của Đảng, Sách lược vắn tắt của Đảng, Chương trình tóm tắt của Đảng, Điều lệ vắn tắt của Đảng Cộng sản Việt Nam) đã xác định đường lối cơ bản của cách mạng Việt Nam, chỉ rõ nội dung, nhiệm vụ cách mạng và định hướng cho công tác vận động quần chúng nhằm vào mục tiêu chung của dân tộc.

Sau khi thành lập Đảng, từ ngày 14 đến ngày 31/10/1930, tại Hồng Kông, Hội nghị Trung ương lần thứ nhất đã thông qua Luận cương chính trị, Điều lệ Đảng và các Án nghị quyết về công nhân vận động, nông dân vận động, cộng sản thanh niên vận động, phụ nữ vận động, quân đội vận động, vấn đề cứu tế và đồng minh phản đế. Nghị quyết Trung ương lần thứ nhất chỉ rõ: "Trong các Đảng bộ thượng cấp (từ thành và tỉnh ủy trở lên) phải tổ chức ra các Ban chuyên môn về các giới vận động". Từ tháng 10/1930, hệ thống Ban chuyên môn về các giới vận động của Đảng bao gồm: Công vận, Nông vận, Thanh vận, Phụ vận, Quân đội vận, Mặt trận phản đế được ra đời làm nhiệm vụ tổ chức, tập hợp lực lượng, giáo dục, vận động quần chúng nhân dân tham gia các phong trào cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

 Cách mạng Tháng Tám 1945 thành công, nước nhà giành được độc lập, sự nghiệp cách mạng có những chuyển biến mới, đòi hỏi công tác vận động quần chúng của Đảng cần được tăng cường nhằm động viên tối đa sức người, sức của cho kháng chiến, kiến quốc. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết bài báo "Dân vận" đăng trên Báo Sự thật, số 120, ra ngày 15/10/1949 với bút danh X.Y.Z. Bài báo có ý nghĩa vô cùng quan trọng, thể hiện xuyên suốt tư tưởng "Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng", là cẩm nang của công tác dân vận, chỉ dẫn đầy đủ, sâu sắc về mục đích, đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp công tác dân vận đối với cán bộ, đảng viên, tổ chức chính quyền và các tổ chức đoàn thể trước yêu cầu của sự nghiệp cách mạng.

Tháng 10/1999, nhân kỷ niệm 50 năm ngày Chủ tịch Hồ Chí Minh viết tác phẩm "Dân vận", theo đề nghị của Ban Dân vận Trung ương, Bộ Chính trị (khóa VIII) đã đồng ý lấy ngày 15/10/1930 làm Ngày truyền thống công tác Dân vận của Đảng và quyết định chọn ngày 15/10 hằng năm là Ngày "Dân vận" của cả nước để đẩy mạnh việc học tập và thực hiện những lời dạy của Bác Hồ về công tác dân vận. Trải qua 93 năm đồng hành cùng lịch sử cách mạng dân tộc, công tác dân vận luôn là một bộ phận quan trọng trong công tác xây dựng Đảng, có ý nghĩa chiến lược đối với sự nghiệp cách mạng của Đảng, góp phần củng cố và tăng cường mối quan hệ mật thiết giữa Đảng, Nhà nước với nhân dân.

***\* Chặng đường 93 năm công tác dân vận của Đảng***

*- Công tác dân vận trong thời kỳ đấu tranh giành chính quyền (1930 - 1945)*

Ngay sau Hội nghị thành lập Đảng, đồng chí Nguyễn Ái Quốc thay mặt Quốc tế Cộng sản và Đảng Cộng sản Việt Nam ra Lời kêu gọi công nhân, nông dân, binh lính, thanh niên, học sinh và toàn thể đồng bào bị áp bức, bóc lột. Đảng nhanh chóng tổ chức ra các đoàn thể cách mạng, hình thành bộ máy và cán bộ làm công tác dân vận. Ngày 18/11/1930, Ban Thường vụ Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương đã ra Chỉ thị thành lập Hội Phản đế đồng minh, hình thức đầu tiên của Mặt trận Dân tộc thống nhất dưới sự lãnh đạo của Đảng. Để thực hiện mục tiêu cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, Đảng đã tổ chức cho đảng viên đi vào các giai tầng xã hội, tuyên truyền, vận động, tổ chức và tập hợp, huấn luyện quần chúng đấu tranh chống áp bức, bất công, bóc lột, đòi hỏi dân sinh, dân chủ ở nhiều nơi. Những cán bộ, đảng viên lớp đầu tiên đã không quản gian lao, thực hiện chủ trương "vô sản hóa", "ba cùng" với nhân dân, tuyên truyền, giác ngộ và thành lập các tổ chức quần chúng đoàn kết xung quanh Đảng, tạo sức mạnh và động lực cho cách mạng theo đường lối "Đem sức ta mà giải phóng cho ta".

Sau cao trào cách mạng 1930-1931, phong trào đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ 1936- 1939, phong trào Phản đế 1939-1941 và phong trào Mặt trận Việt Minh 1941-1945, với chủ trương mở rộng chính sách đại đoàn kết toàn dân và công tác mặt trận, Đảng đã tập hợp đông đảo các tầng lớp nhân dân, bao gồm nhân sĩ, trí thức, tư sản dân tộc và cả ngoại kiều… các hình thức đấu tranh công khai, hợp pháp, nửa hợp pháp đã tạo nên bước phát triển mới trong xây dựng lực lượng chính trị quần chúng.

Trước những biến động lớn của tình hình thế giới và trong nước, Đảng đã phát động cao trào chống Nhật - Pháp. Tại Hội nghị lần thứ tám Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương, theo đề nghị của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc, Mặt trận dân tộc thống nhất chống phátxít Pháp - Nhật với tên gọi Việt Nam Độc lập đồng minh gọi tắt là Việt Minh đã ra đời ngày 19/5/1941. Với khí thế của cả dân tộc, thực hiện phương châm kết hợp chặt chẽ giữa đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang, phát triển từ khởi nghĩa từng phần tiến tới tổng khởi nghĩa từng phần tiến tới tổng khởi nghĩa. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự tham gia của các tầng lớp nhân dân, Cách mạng Tháng Tám đã thành công, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc Tuyên ngôn Độc lập khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa vào ngày 02/9/1945.

Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám đã chứng minh tính đúng đắn Cương lĩnh chính trị đầu tiên, đồng thời, là thắng lợi công tác dân vận của Đảng, chỉ với khoảng 3.000 đảng viên, nhưng Đảng đã tin vào dân, gắn bó với dân, hiểu dân, dựa vào sức mạnh của dân; tuyên truyền giác ngộ cho nhân dân hiểu rõ con đường giành độc lập, tự do, giành quyền sống; tổ chức tập hợp nhân dân vào mặt trận, các đoàn thể chính trị - xã hội và các hình thức tổ chức khác một cách linh hoạt; hướng dẫn quần chúng đấu tranh từ thấp đến cao, khởi nghĩa đánh đổ thực dân, phong kiến, giành chính quyền về tay nhân dân, làm nên thắng lợi của cách mạng dân tộc dân chủ, mang tính chất nhân dân sâu sắc; mở ra một kỷ nguyên mới trong lịch sử dân tộc - kỷ nguyên độc lập, tự do và làm tiền đề cho cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc.

*- Công tác dân vận trong hai cuộc kháng chiến giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ quốc (1945 - 1975)*

Trong kháng chiến chống Pháp (1945 - 1954), sau khi thành lập Nước, đối mặt với vô vàn khó khăn, thử thách của "thù trong, giặc ngoài", Đảng đã xác định những vấn đề cơ bản về đường lối kháng chiến toàn dân, toàn diện, lâu dài, dựa vào sức mình là chính, từ đó đề ra chủ trương phải huy động được sức mạnh của toàn dân tộc, lãnh đạo toàn dân vừa kháng chiến ở miền Nam, vừa xây dựng thực lực mọi mặt cho Nhà nước Dân chủ Cộng hòa.

Phát động cuộc chiến tranh nhân dân, Trung ương Đảng chủ trương giáo dục, động viên và hướng dẫn toàn thể đồng bào đồng lòng, quyết tâm đánh thắng giặc, mỗi người dân đều trở thành một chiến sĩ. Vận động nhân dân tham gia kháng chiến trên mọi mặt trận, vừa huy động, vừa bồi dưỡng sức dân, Đảng thực hiện chính sách khuyến khích các thành phần kinh tế sản xuất, kinh doanh, tiến hành giảm tô, giảm tức, giải quyết một phần quan trọng yêu cầu ruộng đất cho nông dân, nâng cao dân trí. Các hình thức và biện pháp đại đoàn kết toàn dân tộc được mở rộng hơn với sự thành lập Hội Liên hiệp quốc dân Việt Nam (Hội Liên - Việt) vào 29/5/1946, thu hút thêm các đảng phái yêu nước và đồng bào yêu nước không đảng phái, không phân biệt giai cấp, tôn giáo, sắc tộc, xu hướng chính trị. Đảng thực hiện chủ trương tăng cường đoàn kết dân tộc. Khối đại đoàn kết toàn dân tộc càng thêm bền chặt khi thống nhất tổ chức Việt Minh, Liên Việt thành Mặt trận Liên- Việt (03/3/1951). Phong trào thi đua ái quốc là hình thức tập hợp toàn dân do Chủ tịch Hồ Chí Minh phát động, nhanh chóng được mọi tầng lớp nhân dân hưởng ứng sâu rộng, tạo thành sức mạnh cho cuộc kháng chiến kiến quốc.

Công tác dân vận đã vận động toàn quân, toàn dân quyết tâm chiến đấu, lao động, sản xuất, đồng thời, tăng cường công tác địch vận, làm tan rã hàng ngũ ngụy quân, ngụy quyền, chống địch lập tề; động viên thanh niên viết đơn xung phong ra chiến trường, hàng chục ngàn dân công đi tiền tuyến vận tải lương thực, thực phẩm, vũ khí phục vụ các chiến dịch, cao điểm là thắng lợi chiến dịch Điện Biên Phủ tạo nên sức mạnh, tiền đề vững chắc để kế thừa, phát huy trong các giai đoạn cách mạng tiếp theo.

Trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975): Sau khi Hiệp định Giơnevơ được ký kết, miền Bắc hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, bước vào con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội với nhiều nhiệm vụ nặng nề, đó là củng cố chính quyền, khôi phục đất nước, ổn định kinh tế, xã hội, đời sống nhân dân, an ninh trật tự, đoàn kết dân tộc… sau chiến tranh. Miền Nam tiếp tục tiến hành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ trong điều kiện khó khăn, phải xây dựng thế và lực cho cách mạng; chống các chiến lược chiến tranh của đế quốc Mỹ và chính quyền Việt Nam Cộng hòa; tiến tới giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Trong điều kiện đất nước tạm thời bị chia cắt hai miền, Đảng ta luôn quan tâm củng cố, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng Mặt trận và các đoàn thể nhân dân vững mạnh, thực sự là cầu nối giữa Đảng, Nhà nước với nhân dân. Ngày 10/9/1955, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ra đời, tăng cường đoàn kết mọi lực lượng dân tộc và dân chủ, động viên đồng bào, chiến sĩ nêu cao chủ nghĩa anh hùng cách mạng đánh thắng chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ và hết lòng đáp ứng các yêu cầu của cuộc đấu tranh yêu nước của đồng bào miền Nam. Tại miền Nam, ngày 20/12/1960, Đại hội đại biểu quốc dân miền Nam họp tại vùng căn cứ Tây Ninh quyết định thành lập Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam. Nhờ chú trọng đổi mới nội dung và phương thức, công tác dân vận được triển khai sâu rộng trong các cấp, các ngành, các lĩnh vực, các tầng lớp nhân dân trong nước và nhân dân yêu chuộng hòa bình trên thế giới; phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc kết hợp với sức mạnh thời đại để đạt được những thành tựu đáng khích lệ trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc; góp phần động viên đến mức cao nhất sức người, sức của hậu phương miền Bắc đối với tiền tuyến lớn miền Nam và làm hậu thuẫn vững chắc cho quân và dân miền Nam đấu tranh chống đế quốc Mỹ và tay sai, tiến tới giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước. Với đại thắng Mùa Xuân năm 1975, nước ta đã bước sang một thời kỳ mới - thời kỳ hòa bình, độc lập, thống nhất, cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

*- Công tác dân vận trong sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa (từ 1975 đến 2020)*

Giai đoạn 1975 - 1985: Sau 30 năm chiến tranh, cả nước bước vào thời kỳ mới cùng thực hiện một chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa với nhiều khó khăn, thách thức.

Đảng đã vận động nhân dân khắc phục hậu quả chiến tranh, vượt qua khủng hoảng kinh tế - xã hội trầm trọng và kéo dài, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, làm tròn nghĩa vụ quốc tế đối với Lào, Campuchia, bảo vệ vững chắc thành quả cách mạng, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Nhằm đáp ứng yêu cầu của giai đoạn mới, Đại hội Mặt trận dân tộc thống nhất họp từ 31/01 - 04/02/1977 tại thành phố Hồ Chí Minh đã thống nhất các tổ chức Mặt trận ở hai miền Nam Bắc thành tổ chức Mặt trận thống nhất duy nhất, lấy tên là Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI (1986), Đảng đã nhìn thẳng vào sự thật, cùng toàn dân khởi xướng sự nghiệp đổi mới với bốn nội dung "đổi mới chủ trương, đổi mới tổ chức, đổi mới cán bộ, đổi mới phong cách lãnh đạo và công tác". Trên cơ sở đó, giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng, đưa đất nước vượt qua khó khăn, phá thế bao vây cấm vận, tiếp tục phát triển.

Bước vào thời kỳ đổi mới, nhằm phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc tiến hành sự nghiệp đổi mới toàn diện và đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, Đảng tiếp tục đổi mới công tác dân vận. Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương khóa VI đã ban hành Nghị quyết số 08B-NQ/HNTW, ngày 27/3/1990 về "Đổi mới công tác quần chúng của Đảng, tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và nhân dân" với 4 quan điểm chỉ đạo: Cách mạng là sự nghiệp của dân, do dân và vì dân; động lực thúc đẩy phong trào quần chúng là đáp ứng lợi ích thiết thực của nhân dân và kết hợp hài hòa các lợi ích, thống nhất quyền lợi với nghĩa vụ công dân; các hình thức tập hợp nhân dân phải đa dạng; công tác quần chúng là trách nhiệm của Đảng, Nhà nước và các đoàn thể. Nghị quyết 08B là bước chuyển kịp thời nhằm tăng cường mối quan hệ giữa Đảng với nhân dân trong tình hình mới, khắc phục tình trạng một bộ phận cán bộ, đảng viên quan liêu, mệnh lệnh, xa dân, chuyên quyền, độc đoán, tham ô, hối lộ, sống xa hoa, lãng phí, làm giảm nhiệt tình cách mạng, hạn chế việc phát huy khả năng to lớn của nhân dân trong công cuộc xây dựng đất nước. Năm 1991, Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội khẳng định: "Toàn bộ hoạt động của Đảng phải xuất phát từ lợi ích và nguyện vọng chân chính của nhân dân. Sức mạnh của Đảng là ở sự gắn bó mật thiết với nhân dân".

Thực hiện các Nghị quyết từ Đại hội VII đến Đại hội XII của Đảng, Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã ban hành hệ thống văn bản liên quan đến công tác dân vận: về vận động các giới, các giai tầng xã hội, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, quy chế công tác dân vận của hệ thống chính trị, tăng cường công tác dân vận của các cơ quan nhà nước và chính quyền các cấp, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, tăng cường mối quan hệ gắn bó giữa Đảng, Nhà nước với nhân dân, tiêu biểu là: Chỉ thị số 30- CT/TW, ngày 18/02/1998 của Bộ Chính trị (khóa VIII) về "Xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở"./.

***Ban Tổ chức – Kiểm tra tổng hợp.***

**4.3. Kỷ niệm 75 năm Ngày truyền thống ngành Kiểm tra (16/10/1948 – 16/10/20232)**

Ngay từ những ngày đầu thành lập, Đảng ta đã nhận thức rõ tầm quan trọng của công tác kiểm tra, giám sát đối với việc bảo đảm cho mục tiêu, lý tưởng, cương lĩnh, chiến lược, đường lối, chính sách, các chỉ thị, nghị quyết được nghiêm chỉnh thực hiện, đồng thời tăng cường việc giữ gìn kỷ luật, sự đoàn kết thống nhất trong Đảng. Từ khi thành lập đến năm 1948, công tác kiểm tra của Đảng đã được Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn quan tâm theo dõi, trực tiếp chỉ đạo, chưa phân công cán bộ theo dõi và thành lập bộ máy kiểm tra chuyên trách. Nhiệm vụ này do các cấp ủy và tổ chức đảng thực hiện, đã góp phần thực hiện thắng lợi sự nghiệp cách mạng qua các thời kỳ.

Cuối năm 1948, do yêu cầu nhiệm vụ chính trị và công tác xây dựng Đảng, quy mô và tổ chức hoạt động của Đảng, Cơ quan Kiểm tra chuyên trách của Đảng chính thức được thành lập, từng bước phát triển, ngày càng được kiện toàn và lớn mạnh. Ban Kiểm tra Trung ương đầu tiên của Đảng được thành lập theo Quyết nghị số 29-QN/TW, ngày 16-10-1948 của Ban Thường vụ Trung ương Đảng (khóa I), do đồng chí Tổng Bí thư Trường Chinh (tức Thận) ký. Ngày đó, trở thành ngày truyền thống của ngành Kiểm tra Đảng. Ban Kiểm tra Trung ương đầu tiên gồm 3 đồng chí: Trần Đăng Ninh, Nguyễn Thanh Bình, Hà Xuân Mỹ (Hà Minh Quốc) do đồng chí Trần Đăng Ninh làm Trưởng ban, dưới Ban Kiểm tra là các phái viên có nhiệm vụ “đi xuống các khu xem xét chủ trương của Đảng có được thi hành và có sát, đúng không, đồng thời xem xét sự thi hành kỷ luật trong Đảng để tiếp thu kinh nghiệm giúp Trung ương bổ khuyết cho chính sách của Đảng”.

Đại hội toàn quốc lần thứ II của Đảng (1951 - 1960), Điều lệ Đảng quy định: Ban Chấp hành Trung ương, các xứ ủy, khu ủy (hoặc liên khu), thành ủy, tỉnh ủy phải cử ra một số ủy viên lập thành ban kiểm tra của cấp mình. Tháng 3 năm 1951, Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa II) cử ra Ban Kiểm tra Trung ương gồm ba đồng chí: Hồ Tùng Mậu, Nguyễn Văn Trân, Nguyễn Chánh, do đồng chí Hồ Tùng Mậu làm Trưởng ban. Trung ương có Nghị quyết: “Ban Kiểm tra Trung ương sẽ kiêm Ban Thanh tra của Chính phủ, có trách nhiệm kiểm tra cả trong quân đội”; đồng chí Hồ Tùng Mậu, Trưởng Ban Kiểm tra Đảng kiêm Tổng Thanh tra Chính phủ. Đến ngày 25-4-1956, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký Sắc lệnh số 263/SL cử đồng chí Nguyễn Lương Bằng làm Trưởng Ban Kiểm tra Trung ương kiêm chức Tổng Thanh tra Chính phủ. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ X (tháng 3-1957) quyết nghị kiện toàn Ban Kiểm tra Trung ương Đảng, gồm các đồng chí: Nguyễn Lương Bằng, Nguyễn Chí Thanh, Phạm Hùng, do đồng chí Nguyễn Lương Bằng làm Trưởng ban. Tháng 4-1957, Ban Bí thư Trung ương Đảng ra Chỉ thị số 16/CTTW quy định: “Về nội dung công tác ban kiểm tra của Đảng ở các cấp hiện nay chỉ chuyên trách kiểm tra việc giữ gìn kỷ luật ở các cấp và xét đơn khiếu nại của các đảng viên về các vụ thi hành kỷ luật ở cấp dưới. Còn vấn đề kiểm tra việc chấp hành các chủ trương, chính sách của Đảng, của Chính phủ do Ban Thanh tra của chính quyền ở các cấp giúp cấp ủy và Ủy ban Hành chính tiến hành”. Từ đó đến nay, Ban Kiểm tra của Đảng và Ban Thanh tra của Chính quyền được tách riêng.

Cùng với sự ra đời và kiện toàn Ban Kiểm tra, sau này là Ủy ban Kiểm tra (UBKT) các cấp, đội ngũ cán bộ kiểm tra ngày càng phát triển. Nhiệm vụ, quyền hạn của UBKT các cấp do Điều lệ Đảng quy định, từ một số nhiệm vụ ban đầu, chủ yếu là phục vụ cấp ủy, dần dần, Điều lệ Đảng giao cho UBKT các cấp nhiều nhiệm vụ cụ thể, tăng thẩm quyền thi hành kỷ luật đối với đảng viên cho UBKT từ cấp quận, huyện tương đương trở lên, từ Đại hội X của Đảng đã bổ sung nhiệm vụ giám sát cho cấp ủy và UBKT các cấp.

73 năm qua, ngành Kiểm tra Đảng luôn luôn nhận thức sâu sắc rằng, công tác kiểm tra, giám sát phải xuất phát từ nhiệm vụ chính trị và công tác xây dựng Đảng, thường xuyên lấy đó là mục tiêu để xây dựng phương hướng, chương trình hành động của mình. Mặc dù có nhiều khó khăn về lực lượng, năng lực, đội ngũ cũng như điều kiện hoạt động nhưng dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và thực hiện nhiệm vụ kiểm tra của các cấp ủy đảng, ngành Kiểm tra đã từng bước trưởng thành.

Trong mọi thời kỳ cách mạng, kể cả những thời điểm thử thách cam go, quyết liệt nhất, đội ngũ các thế hệ cán bộ kiểm tra của Đảng luôn tin tưởng sự lãnh đạo của Đảng, đoàn kết, chịu đựng gian khổ, khắc phục khó khăn, chấp hành nghiêm đường lối, chính sách, nghị quyết, chỉ thị của Đảng, liên tục bền bỉ phấn đấu để thực hiện nhiệm vụ được giao.

Đại hội XIII của Đảng đã đánh giá: “Công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng được tăng cường, có nhiều đổi mới, đạt kết quả quan trọng; chất lượng, hiệu lực, hiệu quả được nâng lên. Hoạt động kiểm tra, giám sát của cấp ủy, ủy ban kiểm tra các cấp được đẩy mạnh, đạt kết quả khá toàn diện, nhất là ở cấp Trung ương; hoạt động của cấp uỷ, uỷ ban kiểm tra các cấp được tăng cường, ngày càng siết chặt kỷ luật, kỷ cương”.

***Nguồn: Cổng thông tin điện tử tỉnh Bắc Kạn***

**\* Kỷ niệm 93 năm Ngày truyền thống Văn phòng cấp ủy (18/10/1930 – 18/10/2023)**

Hội nghị lần thứ nhất, Ban Chấp hành Trung ương Đảng (từ ngày 14 đến 31/10/1930 tại Hương Cảng, Trung Quốc) đã quyết định thành lập các bộ phận chuyên môn giúp việc Trung ương Đảng - Tiền thân của Văn phòng cấp ủy sau này. Suốt nửa tháng diễn ra hội nghị, mọi công việc của hội nghị đều được bộ phận giúp việc chuẩn bị chu đáo, được bảo vệ an toàn và bảo mật. Hội nghị đã thành công tốt đẹp về mọi mặt, hoàn thành nhiều nội dung quan trọng, đặt nền móng cho hoạt động của Đảng những năm tiếp theo. Đây chính là dấu mốc, là những trang sử đầu tiên viết về hoạt động Văn phòng của Trung ương Đảng.

Thời kỳ đầu của cách mạng, khi Đảng còn hoạt động bí mật (1930 - 1945), công tác văn phòng cấp ủy đảm nhiệm công việc in ấn tài liệu, truyền đơn của Đảng, giao thông liên lạc, đưa đón, bảo vệ cán bộ… Sau khi Đảng hoạt động công khai, văn phòng được coi là cơ quan tham mưu, phục vụ đặc biệt quan trọng của cấp ủy Đảng. Vì thế, sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh từng nói: “Công tác văn phòng có tầm quan trọng đặc biệt, giúp cho cán bộ lãnh đạo nắm được tình hình, cán bộ văn phòng nắm tình hình sai thì lãnh đạo sẽ giải quyết công việc không đúng”.

Tháng 5/1947, Văn phòng Trung ương Đảng chính thức được thành lập tại xã Quảng Nạp, huyện Định Hóa (Thái Nguyên). Năm 1948, Văn phòng Trung ương Đảng tiếp tục được củng cố và tăng cường tổ chức, bộ máy, cán bộ, đi sâu hơn vào chuyên môn nghiệp vụ và hướng dẫn thực hiện đến các địa phương trong cả nước. Văn phòng Trung ương Đảng đã không ngừng trưởng thành và có những đóng góp tích cực vào sự nghiệp cách mạng của Đảng, của dân tộc. Ghi nhận những thành tích đó, ngày 29/01/2002, Ban Bí thư Trung ương Đảng ra thông báo quyết định lấy ngày 18/10/1930 là ngày truyền thống của Văn phòng Trung ương Đảng, đồng thời là Ngày truyền thống của Văn phòng cấp ủy Đảng.

***Nguồn: Cổng thông tin điện tử tỉnh Nghệ An***

**VI. Kỷ niệm 109 năm Ngày sinh anh hùng liệt sĩ Lý Tự Trọng**

**(20/10/1914 – 20/10/2023)**

Lý Tự Trọng tên thật là Lê Hữu Trọng, con ông Lê Hữu Đạt (còn gọi là Lê Khoan), là một gia đình yêu nước thương dân, nuôi chí phục thù, quê nhà ở xã Thạch Minh, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh.

Sống trong cảnh "nước mất nhà tan", gia đình ông Lê Hữu Đạt sớm phiêu bạt sang Thái Lan, sinh sống tại Bản Mạy, thuộc tỉnh Nakhon, Thái Lan từ đầu thế kỷ XIX. Năm 1914, Hữu Trọng chào đời ở nơi đất khách quê người, mang nỗi niềm thương nhớ quê cha đất tổ đang bị kẻ thù xâm lược, dân làng cơ cực lầm than. Từ nhỏ, Hữu Trọng đã chăm chỉ, ham học hỏi và sớm hiểu được nỗi khổ cực của nhân dân ta dưới chế độ cai trị của thực dân phong kiến.

Lên 10 tuổi, Hữu Trọng được Tổng bộ Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí hội ở Trung Quốc sang Thái Lan chọn đưa về Quảng Châu ăn học. Tại đây, Lê Hữu Trọng được đồng chí Nguyễn Ái Quốc đổi tên là Lý Tự Trọng (cùng họ với Lý Thụy - tên gọi bí mật của đồng chí Nguyễn Ái Quốc lúc bấy giờ) và được Nguyễn Ái Quốc giới thiệu vào học tại cấp tiểu học thuộc Đại học Trung Sơn ở Quảng Châu.

Vốn có tính hiếu học, Lý Tự Trọng đã nhanh chóng thông thạo chữ Trung Quốc và học thêm tiếng Anh, giúp cho kiến thức văn hóa của mình ngày càng rộng mở. Thời gian sau đó, Lý Tự Trọng được giao nhiệm vụ làm liên lạc, giúp việc tại cơ quan Tổng bộ Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí hội ở Quảng Châu. Với tài trí thông minh, hoạt bát, Lý Tự Trọng đã góp phần tích cực vào việc liên lạc giữa Tổng bộ và cán bộ Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí hội đang hoạt động ở Trung Quốc, chuyển thư từ tài liệu cách mạng.

Năm 1929, đồng chí Ung Văn Khiêm từ Trung Quốc được phân công về nước và Lý Tự Trọng cùng đi về trong chuyến tàu biển. Đồng chí Ung Văn Khiêm kể lại: "Náu mình dưới hầm chứa than của tàu biển Trung Quốc ngót 15 tiếng đồng hồ, tôi và Lý Tự Trọng vượt qua mọi sự khám xét gắt gao của bọn mật thám, về đến bến Sài Gòn lúc đêm khuya".

Về tới Sài Gòn, Lý Tự Trọng đổi tên là Nguyễn Huy để dễ bề tiếp xúc với quần chúng và hoạt động. Với nhiệm vụ được giao, Huy càng hăng hái hoạt động và xông xáo hơn, đi sâu vào tận công xưởng, trường học vận động công nhân, thanh niên và học sinh tham gia phong trào yêu nước. Bên cạnh công tác quần chúng, Huy còn làm một số việc cụ thể khác như phiên dịch tiếng Trung và tiếng Anh, làm giao thông liên lạc cho Xứ ủy…

Sau ngày thành lập Đảng 03/02/1930, cao trào cách mạng dấy lên mạnh mẽ trên toàn quốc. Để biểu dương tinh thần quật khởi, ý chí bất khuất, bản lĩnh cách mạng của cuộc khởi nghĩa Yên Bái và phát động quần chúng đấu tranh đòi quyền sống, Xứ ủy Nam Kỳ chủ trương tổ chức cuộc mít-tinh kỷ niệm một năm ngày khởi nghĩa Yên Bái tại Sài Gòn, vào chiều ngày 08/02/1931. Cuộc mít tinh đã quy tụ đông đảo các tầng lớp xã hội, nhất là công nhân lao động, thanh niên và học sinh thành phố đến dự. Người diễn thuyết đã được chuẩn bị trước, nhưng đến lúc đó chưa có mặt, đồng chí Phan Bôi (phụ trách tuyên truyền của Xứ ủy) đã đứng ra thay thế, diễn thuyết trước công chúng. Cuộc mít-tinh chớp nhoáng vừa kết thúc, bọn cảnh sát và mật thám ập tới. Tên mật thám Pháp Lơ-gơ-răng nhảy vào bắt đồng chí Quảng mới diễn thuyết xong. Lập tức, Lý Tự Trọng có sẵn súng lục trong tay, bắn liền hai phát, Lơ-gơ-răng gục xuống chết ngay tại chỗ.

Bị địch bao vây, Lý Tự Trọng và Phan Bôi bị chúng bắt đưa về bót Catinat, giam cầm và tra tấn dã man, nhưng kẻ thù không khuất phục được dũng khí cách mạng của hai chiến sĩ cách mạng trẻ tuổi. Tại Khám Lớn Sài Gòn, bọn cai ngục và mật thám dùng mọi cách dụ dỗ mua chuộc nhưng đều vô hiệu, họ kính nể Huy (tức Lý Tự Trọng) và gọi Trọng là "Ông Nhỏ".

Ngày 18/4/1931, Tòa Thượng thẩm Sài Gòn đã đưa ra xét xử và kết án tử hình Lý Tự Trọng và 20 năm khổ sai đày ra Côn Đảo đối với Phan Bôi. Tại phiên tòa, Lý Tự Trọng đã biểu thị dũng khí đấu tranh, lên án kẻ thù xâm lược và nhà cầm quyền thực dân Pháp ở Sài Gòn. Từ ý kiến của một luật sư tại phiên tòa có ý "bênh vực" cho anh, đã nói: "Bị can chưa đến tuổi thành niên, nên hoạt động không có suy nghĩ", Lý Tự Trọng đã đứng phắt dậy, nói lời đanh thép: "Tôi hành động không phải là không có suy nghĩ. Tôi làm vì mục đích cách mạng. Tôi chưa đến tuổi thành niên thật, nhưng tôi đủ trí khôn để hiểu rằng con đường của thanh niên chỉ có thể là con đường của cách mạng, không thể có con đường nào khác".

Mặc dù bản án của thực dân Pháp đang đe dọa mạng sống của anh, trong những ngày cuối cùng ở xà lim án chém, Lý Tự Trọng vẫn luôn lạc quan, ngày ngày tập thể dục, đọc sách báo, ca hát và xem Truyện Kiều nơi bốn vách tường loang lổ tối tăm ghê rợn của nhà tù đế quốc ở Sài Gòn, anh luôn tin tưởng vào sự thắng lợi của cách mạng. Thực dân Pháp đã không dám xử công khai Lý Tự Trọng. Lợi dụng lúc nửa đêm về sáng ngày 21/11/1931, chúng đã hèn hạ dựng máy chém ở ngay khám lớn Sài Gòn hòng giết anh trong im lặng nhưng tấm gương đấu tranh kiên cường anh dũng luôn được lưu truyền.

Trước khi lên máy chém, Lý Tự Trọng hát bài Quốc tế ca bằng câu mở đầu đầy khí phách, vang lên dưới vòm trời Tổ quốc và sâu lắng vào lòng người đang sống: "Vùng lên hỡi các nô lệ ở thế gian...!", và những tiếng hô vang: "Đả đảo thực dân Pháp", "Đảng Cộng sản Đông Dương muôn năm", "Cách mạng Việt Nam thành công muôn năm" đã cổ vũ mạnh mẽ, tạo một làn sóng căm phẫn phản đối tội ác của thực dân Pháp đối với tù nhân trong khám lớn Sài Gòn.

Cuộc đời tuy ngắn ngủi, nhưng công lao đóng góp to lớn, đặc biệt là tấm gương sáng ngời của người anh hùng Lý Tự Trọng với câu nói nổi tiếng "Con đường của thanh niên chỉ là con đường cách mạng, không thể có con đường nào khác" đã trở thành lý tưởng sống để thôi thúc bao lớp thanh niên Việt Nam giữ vững niềm tin, bản lĩnh, tích cực học tập, lao động, sáng tạo để góp phần vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc./.

***Ban Tổ chức – Kiểm tra tổng hợp.***

**VII. Kỷ niệm 93 năm Ngày thành lập Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam**

**(20/10/1930 – 20/10/2023)**

Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam ra đời trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh. Trong suốt chiều dài lịch sử 93 năm, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam đã không ngừng phát triển và trở thành một tổ chức chính trị - xã hội lớn mạnh, rộng khắp, vận động, tập hợp đông đảo các tầng lớp phụ nữ tham gia tích cực và đóng góp xứng đáng vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Những dấu mốc lịch sử quan trọng trong sự trưởng thành và phát triển của tổ chức Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam:

***1. Sự ra đời của các tổ chức phụ nữ trong thời kỳ đấu tranh giành độc lập.***

**Giai đoạn 1925**-**1929:** Cả nước có 5 nhóm phụ nữ được tổ chức với nhiều hình thức hoạt động phong phú: ở Bắc Ninh có nhóm hơn 30 chị em tổ học nghề đăng ten; ở Vinh (Nghệ An) có tổ Sinh hội đỏ và thành lập tổ Phụ nữ Giải phóng; ở Triệu Phong, Quảng Trị có tổ chức cửa hàng Hưng Nghiệp Hội Xã; ở Huế có nhóm Sinh hội đỏ ở trường Nữ học Đồng Khánh. Các tổ nhóm này vừa tham gia sinh hoạt vừa âm thầm tuyên truyền hoạt động cách mạng.

**Năm 1930:**Tại Hội nghị thành lập Đảng Cộng Sản từ ngày 06/01/1930 - 08/02/1930, bên cạnh Chánh cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt, Chương trình điều lệ tóm tắt của Đảng, Hội nghị còn quyết định thành lập các tổ chức quần chúng do Đảng lãnh đạo, trong đó có Hội Phụ nữ Giải phóng.

Sau khi thành lập Đảng, từ ngày 14 - 31/10/1930 tại Hội nghị BCH TW Đảng lần thứ nhất, bên cạnh việc thảo luận Luận Cương chính trị của Đảng, Hội nghị đã thông qua Nghị quyết về Phụ nữ vận động, trong đó đề ra nhiệm vụ phải tổ chức ra các đoàn thể phụ nữ như “phụ nữ hiệp hội”. Đồng thời Trung ương Đảng đã đề ra Điều lệ Phụ nữ Liên hiệp Hội. Với tính chất quan trọng như vậy, Nghị quyết Hội Nghị Trung ương Đảng lần thứ nhất tháng 10/1930 đã đánh dấu quá trình hình thành tổ chức Hội đầu tiên của phong trào phụ nữ dưới sự lãnh đạo của Đảng.

**Giai đoạn 1930**- **1936:**Hoạt động của phong trào phụ nữ thời kỳ này có nhiều phương thức tổ chức thích hợp với chủ trương hoạt động bí mật của Đảng như Hội cấy, Hội gặt, Hội tương tế… Hình thức hoạt động này đã tập hợp được số đông phụ nữ tham gia và góp phần quan trọng vào cuộc đấu tranh chống lại sự áp bức đối với phụ nữ. Tổ chức “Phụ nữ Giải phóng” được hình thành năm 1930-1931 đã thu hút đông đảo phụ nữ tham gia vào cao trào đấu tranh cách mạng (điển hình là Xô viết Nghệ Tĩnh). Tổ chức đã tuyên truyền, vận động phụ nữ tham gia đấu tranh đòi quyền lợi kinh tế, đòi cải thiện đời sống, chống áp bức của đế quốc phong kiến.

**Giai đoạn 1936-1939**: trước yêu cầu của cách mạng, Nghị quyết Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương tháng 8/1937 về công tác vận động phụ nữ đặt ra nhiệm vụ chống phát xít, chống chiến tranh bằng hình thức công khai, hợp pháp. Vì vậy, tổ chức cách mạng của phụ nữ được đổi thành Hội phụ nữ Dân chủ. Hội đã tuyên truyền đường lối, quan điểm của Đảng về giải phóng phụ nữ, nam nữ bình đẳng và tổ chức các hoạt động gắn với tính chất ngành nghề của phụ nữ để đấu tranh đòi tự do dân chủ, đòi quyền lợi cho phụ nữ như: hội Ái hữu, hội Truyền bá quốc ngữ.

**Giai đoạn 1939 - 1941:**Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ, Đảng chủ trương: "Vận động phụ nữ tổ chức các hội phụ nữ phản chiến, các hội cứu tế, bảo an… để giúp đỡ nhau, chống đế quốc chiến tranh, đòi hoà bình". Để phù hợp với tình hình, Hội lấy tên là Hội phụ nữ Phản đế. Hội đã vận động chị em tham gia mít tinh, biểu tình, lập các hội cứu tế, bảo an, tham gia chống bắt lính với khẩu hiệu chống đế quốc chiến tranh, đòi hoà bình, đòi bồi thường chiến tranh. Phụ nữ thoát ly gia đình, tham gia hoạt động cách mạng ngày càng đông đảo, góp phần xây dựng lực lượng chuẩn bị Tổng khởi nghĩa giành chính quyền. Thực hiện yêu cầu, nhiệm vụ cách mạng trong từng giai đoạn, các tầng lớp phụ nữ được tập hợp trong tổ chức “Hội phụ nữ phản đế”, thành viên của Mặt trận nhân dân phản đế Đông Dương (năm 1939) và “Đoàn phụ nữ cứu quốc”, thành viên của Mặt trận Việt Minh (năm 1941) để tuyên truyền, phổ biến chủ trương của Đảng, tập hợp và xây lực lượng, chuẩn bị khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước.

**Giai đoạn 1941-1945**: Đoàn Phụ nữ Cứu quốc được thành lập ngày 16/6/1941. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, Đoàn Phụ nữ cứu quốc đã vận động các tầng lớp phụ nữ gia nhập Mặt trận Việt Minh, gia nhập các đoàn thể cứu quốc đánh Pháp, đuổi Nhật, xây dựng và bảo vệ cơ sở cách mạng. Phụ nữ là lực lượng hùng hậu, đóng góp lớn vào thắng lợi của Cách mạng tháng Tám 1945. Để gấp rút chuẩn bị cho khởi nghĩa giành chính quyền, phụ nữ đã tích cực tham gia các phong trào đánh Pháp, đuổi Nhật, phá kho thóc giải quyết nạn đói... Hội Phụ nữ vận động các hội viên bí mật xây dựng và bảo vệ cơ sở cách mạng. Nhờ vậy, phong trào phụ nữ ngày càng lớn mạnh, góp phần vào thắng lợi chung của cuộc Cách mạng tháng Tám năm 1945.

***2. Hội LHPN Việt Nam được thành lập, tập hợp phụ nữ thực hiện mục tiêu giải phóng dân tộc, thống nhất và bảo vệ đất nước.***

**Giai đoạn 1946 - 1954, đấu tranh chống thực dân Pháp:** Ngày 03/10/1946, Bộ trưởng Bộ Nội vụ Huỳnh Thúc Kháng đã ký Nghị định cho phép thành lập Hội LHPN Việt Nam. Hội chính thức được thành lập gồm nhiều đoàn thể phụ nữ trong đó Đoàn Phụ nữ Cứu quốc là tổ chức nòng cốt, hoạt động trong khuôn khổ là một tổ chức thành viên của Hội LHPN Việt Nam. Ngày 20/10/1946, Hội LHPN Việt Nam làm lễ ra mắt tại Quảng trường Nhà hát Lớn, Hà Nội. Tên gọi Hội LHPN Việt Nam được duy trì cho đến ngày nay.

Từ ngày 18 - 29/4/1950: Đại hội Đại biểu Phụ nữ toàn quốc lần thứ Nhất được diễn ra tại Đại Từ, Thái Nguyên (Chiến khu Việt Bắc). Đoàn Phụ nữ Cứu quốc hợp nhất với Hội LHPN Việt Nam thành một tổ chức Hội thống nhất lấy tên là Hội LHPN Việt Nam.

Giai đoạn này, Hội LHPN Việt Nam đã vận động các tầng lớp phụ nữ thực hiện phong trào: Phụ nữ học cày bừa, tăng gia sản xuất đảm bảo cho bộ đội "ăn no đánh thắng", mua công phiếu kháng chiến, phong trào Đời sống mới, Hội mẹ chiến sĩ… được tổ chức ở khắp nơi. Trong 18 chiến dịch lớn của cả nước, phụ nữ đã đóng góp 9.578.000 ngày công… Hoạt động của Hội đã góp phần vào thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp.

**Giai đoạn 1954 - 1975: Thời kỳ kháng chiến chống Mỹ ở miền Nam và xây dựng CNXH ở miền Bắc**

Theo quy định của Hiệp định Giơnevơ 1954 về Đông Dương, Việt Nam bị chia cắt làm hai miền với hai chế độ chính trị khác nhau, miền Bắc xây dựng CNXH, miền Nam tiếp tục cuộc kháng chiến chống Mỹ ngụy. Trước tình hình đó, tháng 03/1961, Hội Liên hiệp Phụ nữ Giải phóng miền Nam Việt Nam được thành lập với vai trò tập hợp phụ nữ miền Nam Việt Nam đoàn kết trên mặt trận giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước. Tổ chức Hội hai miền Nam Bắc thực hiện những nhiệm vụ, hoạt động phù hợp với từng miền, đồng thời cùng hướng tới mục điêu chung là đấu tranh cho sự nghiệp giải phóng phụ nữ, đánh đuổi đế quốc Mỹ, thống nhất đất nước. Đồng thời, tổ chức Hội hai miền phát động phong trào riêng, có tác động lan tỏa và sâu rộng trong các cấp hội phụ nữ.

Tháng 03/1961, Đại hội Phụ nữ toàn quốc lần thứ III họp tại Hà Nội đã phát động phong trào thi đua “5 tốt” với các nội dung: Đoàn kết sản xuất, tiết kiệm tốt, chấp hành chính sách tốt, tham gia quản lý tốt, học tập chính trị, văn hoá, kỹ thuật tốt, xây dựng gia đình nuôi dạy con tốt. Đến tháng 03/1965, Trung ương Hội LHPN Việt Nam phát động phong trào “Ba đảm đang” với các nội dung: đảm đang sản xuất và công tác, đảm đang gia đình, đảm đang phục vụ chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu. Phong trào Ba đảm đang là bước phát triển mới của phong trào 5 tốt, trở thành nhiệm vụ trọng tâm trong hoạt động của Hội LHPN Việt Nam giai đoạn 1965-1975, là một trong những phong trào thi đua có quy mô lớn nhất trong lịch sử Việt Nam thời kì hiện đại, trở thành hoạt động nổi bật, tiêu biểu trong lịch sử tổ chức và hoạt động của Hội LHPN Việt Nam và là bộ phận khăng khít của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc.

Đại hội lần thứ nhất Hội Liên hiệp Phụ nữ Giải phóng miền Nam (3/1965), Hội đã phát động phong trào thi đua “5 tốt” với nội dung: Đoàn kết đấu tranh chính trị, võ trang, binh vận tốt; Lao động sản xuất, tiết kiệm tốt; Chăm sóc, nuôi dưỡng thương bệnh binh; Học tập văn hoá, chính trị, chuyên môn tốt; Rèn luyện tư cách đạo đức tốt. Phụ nữ miền Nam đã anh dũng thi đua giết giặc, trong gian nan vẫn một lòng trung kiên, bất khuất. Với phong trào “5 tốt”, hàng triệu hội viên phụ nữ giải phóng được tôi luyện trong phong trào đấu tranh với 3 mũi giáp công linh hoạt, được tổ chức chặt chẽ ở ba vùng chiến lược (nông thôn, đô thị, miền núi). Trên khắp miền Nam, phụ nữ giải phóng luôn là lực lượng nòng cốt đi đầu trong phong trào đấu tranh chính trị trực diện, hình thành nên một “Đội quân tóc dài” hùng hậu, nổi tiếng miền Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ.

**3. Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam phát triển và hội nhập.**

Sau chiến thắng mùa Xuân năm 1975, thực hiện Nghị quyết của Ban Bí thư Trung ương Đảng về việc thống nhất các đoàn thể nhân dân, từ ngày 10 - 12/6/1976, Hội nghị Thống nhất **Hội Liên hiệp Phụ nữ** toàn quốc được tổ chức. Hội nghị đã nhất trí quyết nghị: Thống nhất sự chỉ đạo hoạt động của **Hội Liên hiệp Phụ nữ** trong cả nước trong một tổ chức là **Hội Liên hiệp Phụ nữ** Việt Nam. Hội nghị cũng quyết định lấy **ngày 20/10/1930** là ngày thành lập **Hội Liên hiệp Phụ nữ** Việt Nam. Đến năm 2010, tại thông báo số 382-TB/TW ngày 15/10/2010 của BCH TƯ Đảng, Ban Bí thư đồng ý lấy ngày 20/10 hàng năm là ngày Phụ nữ Việt Nam.

Trải qua lịch sử 93 năm trưởng thành và phát triển, dưới sự quan tâm, chỉ đạo của Đảng và Nhà nước, **Hội Liên hiệp Phụ nữ** Việt Nam đã và đang ngày càng có nhiều đóng góp quan trọng vào sự nghiệp bảo vệ, xây dựng đất nước và sự nghiệp giải phóng phụ nữ, sự tiến bộ của phụ nữ và bình đẳng giới. **Hội Liên hiệp Phụ nữ** Việt Nam xứng đáng là tổ chức đại diện, chăm lo, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của mọi tầng lớp phụ nữ Việt Nam. Hội chủ động tham mưu với Đảng, Nhà nước ban hành chủ trương, đường lối, chính sách pháp luật có ý nghĩa chiến lược về công tác phụ nữ và bình đẳng giới. Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của mình, các cấp Hội trong nước đã tổ chức thực hiện được nhiều chương trình hoạt động, tuyên truyền vận động, hỗ trợ phụ nữ nâng cao nhận thức, năng lực, trình độ, cải thiện đời sống vật chất, tinh thần, tạo điều kiện để phụ nữ tiến bộ, bình đẳng. Tổ chức Hội được củng cố và phát triển, không ngừng đổi mới nội dung, phương thức hoạt động. Tích cực tham gia xây dựng Đảng, chính quyền trong sạch, vững mạnh. Đội ngũ cán bộ Hội nhiệt tình, tâm huyết, phấn đấu nâng cao năng lực, trình độ đáp ứng yêu cầu của tình hình mới. Hội cũng phát huy vai trò, mở rộng hợp tác, thực hiện tốt công tác đối ngoại nhân dân, chú trọng phát triển quan hệ hữu nghị, hợp tác, tích cực tham gia các cơ chế đa phương./.

***Ban Tổ chức – Kiểm tra tổng hợp.***

**VII. Đường Hồ Chí Minh trên biển – Con đường huyền thoại**

**(23/10/1961 – 23/10/2023)**

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, tuyến chi viện quân sự chiến lược trên biển mang tên Chủ tịch Hồ Chí Minh là một con đường huyền thoại của dân tộc, con đường của khát vọng độc lập, tự do và thống nhất Tổ quốc. Cùng với tuyến vận tải chiến lược Trường Sơn - đường Hồ Chí Minh trên bộ, đường Hồ Chí Minh trên biển đã kết nối hậu phương lớn miền Bắc với tiền tuyến lớn miền Nam, vận chuyển kịp thời, hiệu quả vũ khí và lực lượng, góp phần quan trọng vào Đại thắng mùa Xuân 1975.

Đầu năm 1960, cùng với phong trào Đồng khởi Bến Tre, phong trào cách mạng của các tỉnh đồng bằng Nam Bộ chuyển mạnh lên thế tiến công và trở thành cao trào đồng khởi rộng khắp. Để đáp ứng yêu cầu vận chuyển vũ khí, hàng hóa chi viện cho chiến trường Nam Bộ và Nam Trung Bộ, trong khi vận chuyển đường bộ của Đoàn 559 trên dãy Trường Sơn chưa vươn tới; Tổng Quân ủy tiếp tục chỉ đạo Bộ Tổng Tham mưu khẩn trương nghiên cứu đề án mới về xây dựng và tổ chức lực lượng vận tải biển chi viện cho chiến trường Nam Bộ và Khu 5; Bộ Chính trị chỉ thị cho Trung ương Cục miền Nam chỉ đạo các tỉnh ven biển ở miền Trung và Nam Bộ chủ động chuẩn bị bến, bãi và tổ chức đưa thuyền vượt biển ra miền Bắc, vừa thăm dò, nắm tình hình địch, nghiên cứu tuyến vận chuyển trên biển, vừa nhận vũ khí để kịp thời cung cấp cho cách mạng miền Nam.

Ngày 23/10/1961, Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương quyết định thành lập Đoàn vận tải quân sự 759, đánh dấu mốc lịch sử quan trọng, mở ra bước phát triển mới của tuyến vận tải chiến lược - đường Hồ Chí Minh trên biển. Từ đây, đường Hồ Chí Minh trên biển - con đường nối liền hậu phương lớn miền Bắc với tiền tuyến lớn miền Nam, chính thức đi vào hoạt động. Đây là một quyết định lịch sử mang tầm chiến lược, thể hiện bản lĩnh kiên cường, ý chí và quyết tâm của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta: Tất cả cho tiền tuyến miền Nam, tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược.

Ngày 11/10/1962, chiếc tàu gỗ gắn máy đầu tiên, số hiệu 41, mang tên “Phương Đông 1” của Đoàn 759 chở 30 tấn vũ khí rời bến Đồ Sơn (Hải Phòng) vào Cà Mau; 19/10/1962, tàu cập bến Vàm Lũng (Cà Mau).

Ngày 19/10 đến 14/12/1962, lần lượt ba chiếc tàu vỏ gỗ mang tên “Phương Đông 2, 3, 4” rời bến Đồ Sơn, chở vũ khí vượt qua các khu vực kiểm soát của địch, cập bến Vàm Lũng (Cà Mau).

Tháng 8/1963, Đoàn 759 được giao cho Quân chủng Hải quân phụ trách và trực tiếp đảm đương nhiệm vụ vận chuyển, chi viện đường biển cho chiến trường miền Nam. Ngày 24/1/1964, Đoàn 759 được điều chỉnh tổ chức, phát triển thành Đoàn 125 Hải quân.

Giai đoạn 1962 - 1965, Đoàn 125 đã tổ chức 89 chuyến tàu, chi viện cho các tỉnh ven biển thuộc chiến trường Khu 5, Nam Bộ và cực Nam Trung Bộ gần 5.000 tấn hàng hóa, chủ yếu là vũ khí, đạn dược.

Giai đoạn 1965 - 1968, sau khi phát hiện tàu C143 tại Vũng Rô (Phú Yên), địch tăng cường đẩy mạnh hoạt động tuần tiễu, ngăn chặn, chống xâm nhập. Đoàn 125 chuyển hướng hoạt động, sử dụng các đội tàu theo đường hàng hải quốc tế, bí mật đưa hàng vào bến; đã tổ chức 27 chuyến tàu nhưng chỉ có 7 chuyến tàu cập bến, vận chuyển hơn 400 tấn hàng hóa.

Sau cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Mậu Thân 1968, tận dụng thời điểm không quân Mỹ tạm dừng ném bom miền Bắc, Đoàn 125 đã vận chuyển hàng hóa vào các địa điểm vùng giới tuyến, sau đó Đoàn 559 tiếp tục vận chuyển bằng đường bộ vào chiến trường miền Nam. Ngoài ra, để đáp ứng nhu cầu vũ khí, đạn dược ngày càng tăng, ta còn tổ chức vận chuyển bằng tàu biển quốc tế, quá cảnh qua cảng Xi-ha-núc-vin (Campuchia). Bằng cách này, Đoàn 125 đã chi viện cho chiến trường miền Nam hơn 90.000 tấn hàng hóa, trong đó có hơn 20.000 tấn vũ khí, đạn dược.

Cuối 1970, sau khi tuyến đường vận chuyển qua cảng Xi-ha-nuc-vin bị cắt đứt, theo sự chỉ đạo của Đảng ủy, Bộ Tư lệnh Hải quân, Đoàn 125 chủ động tìm đường vận chuyển mới bằng cách men theo phía Đông quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa đến vùng biển Đông Bắc Malaysia, qua vịnh Thái Lan, khu vực quần đảo Nam Du để đưa tàu cập bến các tỉnh miền Tây Nam Bộ. Trong điều kiện địch tăng cường bao vây, ngăn chặn và đánh phá ác liệt nhưng Đoàn 125 đã vận chuyển được 301 tấn vũ khí, đạn dược cho Nam Bộ và cực Nam Trung Bộ.

Trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975, các đội tàu của Đoàn 125 tiếp tục vận chuyển hàng hóa, lực lượng phục vụ cho việc giải phóng các tỉnh và các đảo ven biển miền Nam, chi viện cho các lực lượng làm nhiệm vụ giải phóng quần đảo Trường Sa. Thực hiện mệnh lệnh “thần tốc” của Đại tướng Võ Nguyên Giáp, phải vận chuyển thật nhanh những vũ khí hạng nặng và hàng chục ngàn cán bộ, chiến sĩ vào miền Nam, kịp thời hiệp đồng tác chiến với cánh quân đường bộ. Đoàn 125 đã thực hiện thành công 143 chuyến tàu, vận chuyển 8.741 tấn vũ khí hạng nặng (50 xe tăng và pháo cỡ lớn), đưa 18.741 cán bộ, chiến sĩ vượt 65.721 hải lý để kịp thời tham gia chiến đấu.

Thông qua hoạt động vận chuyển và chiến đấu, lực lượng vận tải trên biển nói riêng, Quân chủng Hải quân nói chung, đã có bước trưởng thành vượt bậc:

- Từ những chiếc tàu gỗ đánh cá thô sơ trong những ngày đầu thành lập, đến cuối cuộc kháng chiến chống Mỹ, chúng ta đã có những đội tàu tương đối hiện đại, trọng tải lớn, được trang bị các loại vũ khí, khí tài tiên tiến, đảm đương nhiệm vụ vận tải và trực tiếp chiến đấu với kẻ thù.

- Cùng với nhiệm vụ vận tải quân sự, đường Hồ Chí Minh trên biển còn đảm đương sứ mệnh đưa đón hàng trăm cán bộ cao cấp của Đảng, quân đội và chuyên gia quân sự vào miền Nam và ngược lại, báo cáo Trung ương và nhận chỉ thị mới, kịp thời bổ sung cho công tác lãnh đạo, chỉ đạo và chỉ huy chiến đấu trên chiến trường miền Nam.

- Dù số lượng vũ khí và hàng hóa mà Đoàn 125 vận chuyển bằng đường Hồ Chí Minh trên biển còn khiêm tốn nhưng đã chi viện đến những chiến trường trọng điểm miền Nam: duyên hải miền Trung, cực Nam Trung Bộ và Nam Bộ - những nơi mà tuyến chi viện chiến lược Trường Sơn chưa thể vươn tới được.

- Vận tải trên biển tuy gian nan, nguy hiểm nhưng lại có ưu thế về tốc độ, thời gian, hiệu quả; nếu vận chuyển đường bộ mất mấy tháng trời thì vận chuyển đường biển chỉ khoảng hơn một tuần, chi phí vận tải cho mỗi tấn hàng trên biển ít hơn rất nhiều so với vận tải đường bộ. Ngoài ra, vận tải đường biển còn đảm đương sứ mệnh quan trọng, đó là vận chuyển những vũ khí, trang bị đặc biệt (các loại vũ khí trang bị lớn, đặc chủng), có tầm quan trọng sống còn đối với cuộc kháng chiến.

Với những thành tích xuất sắc, Lữ đoàn 125 được Đảng, Nhà nước 2 lần tuyên dương danh hiệu “Đơn vị Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân”.

Theo dòng thời gian, đường Hồ Chí Minh trên biển với những con tàu không số, gắn liền với tên tuổi, địa danh và biết bao chiến công hiển hách của những anh hùng liệt sĩ, của quân và dân ta vẫn mãi khắc ghi vào lịch sử dân tộc như một con đường huyền thoại - một trong những đỉnh cao của chiến tranh nhân dân Việt Nam, của truyền thống yêu nước, ý chí quật cường và sức sáng tạo; phản ánh khát vọng cháy bỏng độc lập, tự do, thống nhất đất nước của dân tộc Việt Nam./.

***Nguồn: Ban Tuyên giáo Thành ủy TPHCM***

***Ban Tổ chức – Kiểm tra tổng hợp.***